Tác Giả và Tác Phẩm

Phạm Thái (I)

Tiểu sử - Tác phẩm
(xem *Vài hàng về tác giả*)

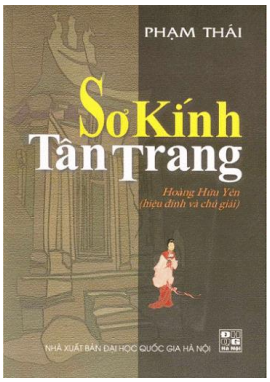

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - Wikipedia – 2
Trường hợp Phạm Thái Quỳnh Như – Phạm Thế Ngũ – 4
Chuyện Tiêu Sơn – 11
Mối tình Phạm Thái & Trương Quỳnh Như – Tịnh Ý – 12
Tiêu Sơn tráng sĩ – Khái Hưng – 27

Phụ đính I:

Thơ Phạm Thái – 31

Phụ đính II:

Sơ kính tân trang lược truyện - Wikipedia – 40
Sơ kính tân trang – Khái Hưng - 42
Đường mơ về tự ngã trong thơ văn Phạm Thái – Nguyễn Quang Huy - 44

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả
Wikipedia

Tiểu sử

Để đọc về quan viên triều Đông Tấn và Nam triều Tống, xem Phạm Thái (Lưu Tống).
Phạm Thái (chữ Hán: 範泰, 1777-1813), còn gọi *Phạm Đan Phượng, Phạm Phượng Sinh*, hiệu *Chiêu Lì* (hoặc *Chiêu Lỳ*); là một danh sĩ ở cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19 trong lịch sử Việt Nam.

Phạm Thái sinh ngày 19 tháng Giêng năm Đinh Dậu (26 tháng 2 năm 1777) tại làng Yên Thị, xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc (nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội).
Ông là con Trạch Trung hầu Phạm Đạt, một võ tướng cao cấp đời Cảnh Hưng, đã khởi chống Tây Sơn nhưng thất bại.
Nối chí cha, năm 20 tuổi, Phạm Thái đi ngao du nhiều nơi để tìm và kết giao với người cùng chí hướng. Ông gặp Phổ tỉnh thiền sư (Trương Quang Ngọc), Nguyễn Đoàn rồi cùng nhau chống Tây Sơn, nhưng không thành công.

Bị truy nã, ông cắt tóc, đội lốt nhà sư, vào tu ở chùa Tiêu Sơn (tức chùa Thiên Tâm nằm trên lưng chừng núi Tiêu, nay thuộc xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh), đặt đạo hiệu là *Phổ Chiếu Thiền sư*.

Đi tu được mấy năm, thì bạn ông là Thanh Xuyên hầu Trương Đăng Thụ (người làng Thanh Nê, thuộc huyện Kiến Xương, trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Thái Bình]), đang làm quan ở Lạng Sơn, cho người đón ông lên đấy, tính chuyện phù Lê.
Một năm sau, khi ông trở về Kinh Bắc thăm nhà, thì được tin Trương Đăng Thụ bị đại thần Vũ Văn Dũng đầu độc chết[3], và đang được đem về chôn cất ở quê nhà. Phạm Thái liền đến làng Thanh Nê điếu tang bạn. Ở đây, ông đã giúp nàng Long Cơ (vợ Thanh Xuyên hầu) soạn *Văn triệu linh* gọi hồn chồng, làm *Văn bia mộ* Thanh Xuyên hầu và viết *Lời đề nhà Nghĩa lư* để giãi bày nỗi niềm thương nhớ bạn sâu sắc của ông.

Vì yêu nết, trọng tài, Kiến Xương hầu Trương Đăng Quỹ (cha Thanh Xuyên hầu) mời Phạm Thái ở lại để làm gia sư dạy trẻ. Nhờ vậy, Phạm Thái quen được em gái bạn là Trương Quỳnh Như. Họ cùng xướng họa thơ văn, rồi thầm yêu nhau. Cảm phục tài thơ của Phạm Thái, Kiến Xương hầu định gả con cho ông, nhưng người mẹ không bằng lòng, vì muốn gả cho người khác.

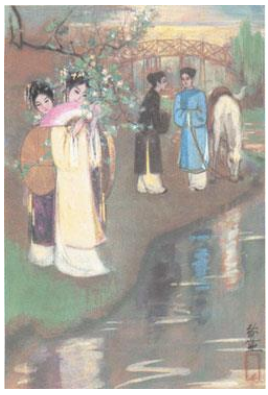

Bị ép gả, Quỳnh Như tự tử, còn Phạm Thái cũng vì quá đau xót, đã rời bỏ nơi đó đi lang bạt. Quảng đời cuối của ông là những trận rượu say li bì[6], là những bài thơ văn bi quan và yếm thế.

Phạm Thái mắc bệnh rồi mất ở Thanh Hóa năm Quý Dậu (1813), lúc 36 tuổi.

Tác phẩm

Tác phẩm của Phạm Thái gồm:

- **Chiến tụng Tây hồ phú** (*Đánh lại bài Phú ca tụng hồ Tây*):

Đây là một bài phú họa lại 85 vận của bài Tụng Tây Hồ của Nguyễn Huy Lượng. Mục đích của ông là có ý đả phá nhà Tây sơn, một triều đại mà ông Lượng đang suy tôn. Theo GS. Thanh Lãng, thì bài này *thực có tính cách kỳ khu quá đáng. Tác giả đã lạm dụng những kinh, những điển, phải là người thông thuộc sử sách Tàu mới hiểu nổi. Lời văn chứa đầy nỗi căm phẫn, hậm hực đối với nhà cầm quyền đương thời (Tây Sơn), biểu lộ rõ ràng lòng thương tiếc nhà Lê.*[7]

- **Sơ kính tân trang** (Câu chuyện mới về lược và gương):

Sáng tác năm Giáp Tý (1804), tức năm Phạm Thái 21 tuổi. Đây là một truyện thơ Nôm gồm 1484 câu [8], chủ yếu là thơ lục bát, có xen một ít bài thơ Đường luật, thơ cổ phong và thơ song thất lục bát. Nội dung truyện kể lại một câu chuyện tình duyên lãng mạn và trắc trở, hư cấu trên cơ sở mối tình cay đắng của chính tác giả. Xem chi tiết ở trang: Sơ kính tân trang.

Chung quanh mối quan hệ với Trương Quỳnh Như, ông có một số thơ Nôm như sau:

- **Văn tế Trương Quỳnh Như**
- **Thơ họa 12 bài Trương Quỳnh Như**.

Ngoài ra, ông còn có một bài *Văn triệu linh* theo thể song thất lục bát, *Văn bia mộ Thanh Xuyên hầu* theo thể lục bát và một số bài thơ Nôm ngẫu cảm như: *Tự trào, Tự thuật, Đề tranh mỹ nữ, Đề chùa Tiêu Sơn, Họa thơ Thanh Xuyên hầu, Đề nhà Nghĩa lư, Đề núi Con Voi*, v.v…

***

Phạm Thái là một nhân vật tài hoa và ngang tàng. Thơ văn ông đã thể hiện khá chân thật đôi điều ấy. Đôi khi ngòi bút tài hoa ấy chuyển thành ngông nghênh, bảo thủ; chỉ biết chống lại những điều mà lý tưởng của ông không thừa nhận, không cần biết về khách quan chúng đúng hay sai. Nhưng một phần rất quan trọng trong thơ văn ông, là nhằm diễn tả một tâm hồn khao khát yêu đương, bất chấp mọi khuôn phép lễ giáo của mình. Về mặt này, ngòi bút "trữ tình, táo bạo, phóng túng, bén nhạy trước mọi vẻ đẹp (nhất là vẻ đẹp bên trong của con người)" của ông đã bắt gặp môi trường thuận lợi để phát huy tác dụng. Bởi vào thế kỷ 18, những yêu cầu về quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc, đang dâng lên như một cơn sóng ngầm trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt.

Về mặt nghệ thuật, Phạm Thái là một trong những người đi đầu trong việc cách tân thể thơ trữ tình tiếng Việt, đưa thể thơ này lên một cung bậc mới: nói tiếng nói yêu đương đầy sức giao cảm giữa nam và nữ.

Nói gọn, Phạm Thái là một trong những nhà thơ đề cao tình yêu, chống đối lễ giáo, khuôn phép phong kiến. Về hình thức nghệ thuật, phần lớn thơ văn ông viết bằng chữ Nôm, có phong cách phóng túng lãng mạn độc đáo.

Giới thiệu tác phẩm

Tự trào

Có ai muốn biết tuổi tên gì,
Vừa chẵn hai mươi, gọi chú Lì.
Năm bảy bài thơ ngâm lếu láo,
Một vài câu kệ tụng a ê![11]
Tranh vờn sơn thủy màu lem luốc,

Tự thuật

Dăm bảy năm nay những loạn ly,
Cảm thương thân phận lỡ qua thì.
Ba mươi tuổi lẻ là bao tá,
Năm sáu đời vua thật chóng ghê!
Một tập thơ sầu ngâm đã chán,

Bầu giốc càn khôn giọng bét be.
Miễn được ngày nào ngang dọc đã,[12]
Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi!

Vài be ruột lạt uống ra gì.
Chết về tiên phật cho xong nợ,
Cái kiếp trần gian sống mãi chi!

Văn tế Trương Quỳnh Như

Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác ấy bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nụ, thu lẫn trăng rằm!
Lại có điều đau đớn thế! Nhà huyên ví có năm có bảy, mà riêng mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội nước vơi còn có lẽ.
Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vầng, mây có một đoá. Thân là thân hiếm hoi chừng ấy, nỡ nào lấy đôi mươi năm, làm một kiếp, mà ngơm ngớm chốn non Bồng nước Nhược, chút gì không đoái đến cõi phù sinh!
Ví dụ mà tiên thù với tục, sao xưa kia vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện một thân cho vẹn kiếp, thì ba vạn sáu ngàn ngày sống cho đủ lệ: nọ xuân huyên, này phu tử, góp với trần gian không chút hận, rồi sẽ rong chơi chín suối, cớ sao riêng bóng vội vàng chi?
Ôi! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sả, những như thân giá ấy, tình cảnh ấy, ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, tuy chẳng thân kia thích nọ nhưng tình duyên ấy, cũng là một chút cương thường: dầu rằng kẻ ấy lạ người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự!
Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi thời nên nấn ná nhân duyên: mình long đong thân gái liễu bồ, vì giận phận hoá ngang tàng tính mạng.
Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm; chua xót cũng vì đâu?
Nay qua nấm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sùi sụt hai hàng tình lệ, giãi bày một bức khốc văn, đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử!

***

Năm 1940, Khái Hưng dựa vào *Sơ kính tân trang* viết truyện Tiêu Sơn Tráng Sĩ.

Trường hợp Phạm Thái Quỳnh Như
Phạm Thế Ngũ

I. Phạm Thái (1777-1813)

Ông người xã Yên Thượng, huyện Đông Ngàn, nay phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Thân phụ trước làm quan với nhà Lê được phong tước Trạch Trung hầu, sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê, có khởi binh chống lại bị thua. Ông định nối chí cha, đi tìm người đồng chí để lo sự khôi phục. Vì bị truy nã, ông phải trá hình đi tu ở chùa Tiêu Sơn (thuộc tỉnh Bắc Ninh), lấy hiệu là Phổ Chiêu Thiền sư. Một người bạn đồng chí là Trương Đăng Thụ làm quan ở Lạng Sơn cho người đón ông lên đấy

nhưng không được bao lâu Đăng Thụ mất, ông mới đến xã Thanh Nê (thuộc huyện Ý Yên tỉnh Nam Định) là quê Đăng Thụ viếng bạn và ở đấy ít lâu. Phạm Thái được dịp biết người em gái của Đăng Thụ là Trương Quỳnh Như. Hai người thầm lén yêu nhau, làm thi văn tương tặng. Cha Quỳnh Như là Trương Đăng Quỹ biết rõ gốc gác Phạm Thái, cũng muốn gả con gái cho, nhưng bà mẹ không ưng. Bị ép lấy một người nàng không thuận, Quỳnh Như buồn bực mà chết (có sách chép là nàng tự ải). Phạm Thái từ khi công việc chống Tây Sơn thất bại lại mất người yêu, sinh ra chán đời, chỉ uống rượu li bì, tự hiệu là Chiêu Lì, đi lang thang khắp nơi, năm 37 tuổi thì mất ở Thanh Hóa.

Về thi văn Phạm Thái để lại, có bài Chiến tụng Tây hồ phú, những bài văn liên quan đến mối tình với nàng Quỳnh Như và mươi bài thơ ngâm vịnh ngẫu hứng thường tỏ dạ chán đời.

II. Chiến Tụng Tây Hồ

Về bài này chính tác giả có lời dẫn sau đây cho ta thấy rõ trường hợp mà ông sáng tác:
"Năm Canh Thân (1800) mùa hạ ta đến chơi với bạn ở Tràng An (tức kinh đô Thăng Long) nghe bạn ngâm bài Tụng Tây hồ phú. Hỏi ai làm ra bài ấy mà hay thế. Bạn rằng: Chương Lĩnh hầu Hữu hộ Lượng làm ra. Ta rằng: chao ôi! Hữu hộ Lượng à! Xưa hắn làm tôi triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây Hồ mà chẳng thẹn mặt? Ghét đứa nịnh làm sao! Nhớ xưa có bài thơ Chiến cổ, nay nhân bỉ kẻ làm bài tụng ta cũng làm bài chiến tụng để góp một chút trò cười với đời."

Vậy bài này có tính cách bút chiến, dùng để trả lời bài của Nguyễn Hữu Lượng về lập trường chính trị. Trong bài Tụng Tây Hồ phú, Nguyễn Hữu Lượng đã hết sức ca tụng cảnh đẹp, thịnh của Hồ Tây để gián tiếp ca tụng công đức, khí vận Tây Sơn. Trong bài chiến tụng này, Phạm Thái ngược lại, nêu ra những nét tiêu sơ ảm đạm của Hồ Tây, ngụ ý bỉ báng Tây Sơn bạo ngược, khiến cho vận nước suy đồi.

Cái đặc sắc của bài chiến tụng là tác giả đã khéo họa lại đủ 86 vần trong 86 liên của bài xướng mà ý tứ tân kỳ, lời lẽ rắn rỏi không thua kém gì bài xướng. Các liên phú cũng gò chắp công phu, trau tria bóng bẩy như:

Cái cô đình cho gió lọt hoa kề, lơ thơ cảnh đượm màu sương, dường tạo hoá đã in châu thuý bích - Con tiểu đĩnh đã mây che nước chở, lóng lánh sóng in sắc nguyệt, ngỡ khuôn trời còn đúc bạc đào châu. (liên 21)

Cành dưới trên sương hãy nhuộm màu xanh, ca ngư tử đã xua tan vầng ngọc thỏ - Cây ngang dọc tuyết vừa đông bãi bạc, địch mục nhi đã thổi sáng bóng kim ô. (liên 23)
Tác giả lại hay nhè chỗ Nguyễn Huy Lượng tán tụng Tây Sơn mà "đập lại" rất thú vị như:

Đến nay:Tan tành phong cảnh - Nát bét quimô!

Cơn thảo muội những gặp điều biến cải - Lúc phong trần khôn thấy hội đô du

Nhận cố cung phai nhạt màu xưa, tới mộc thạch cũng đeo sầu tiêu xác - Xem hồ thuỷ thẹn cùng sắc nước, đến cỏ hoa đều ê ủ phân phu

Giận vì thằng sao nỡ đặt Tụng Tây Hồ, bênh nguỵ tặc bỏ ơn đời đế thế - Cho nên đây phải hoạ vần chiến tụng, nguyện ngô quân đem lại nếp hoàng đồ

Liên 60:
Nay mừng: Trời phù chính thống - Đất mở hoành mô

Liên 61:
Quyền tạo hóa tóm vào trong động tác - Khí càn khôn vận lại trước đô du

Liên 62:
Nến hoàng thành đặt vững Long biên, ngôi bắc cực muôn phương đều cùng hướng - Đàn bắc trạch xây kề Ngưu chử, cảnh Tây hồ trăm thức lại phương phu

Liên chót:
Trước phượng đàn đứng sánh hàng loan, trông hồ cảnh tiến một chương li ngữ - Bên ngự đạo ngửa trông vầng nhật, nổi thanh sơn mừng muôn kỉ dao đồ

III. Mối tình với Trương Quỳnh Như

Câu truyện gặp gỡ xảy ra như đã nói trong phần tiểu sử. Bấy giờ Phạm Thái tuổi ngoài 20 và đương ẩn tích trong nếp áo thiền sư. Đến Thanh Nê để điếu người đồng chí xấu số, Phạm Thái được đón tiếp vào nhà như một người thân. Họ Trương là một gia tộc quyền quý, đức lệnh. Trương công, cha bạn, dò hỏi biết rõ gốc gác và chí hướng Phạm, đem lòng quý mến bội phần. Cô tiểu thư đôi lần ra vào nấp nom cũng thấy lần đầu rung động vì một bóng dáng hiên ngang. Kết quả là người tráng sĩ mềm lòng ở lại, đổi nếp áo thầy tu lấy nếp áo thầy đồ. Rồi giữa viện sách và buồng thêu, một mối tình thơ mộng nhất được dệt ra, gởi vào những bài thơ bóng gió kẹp trong một cuốn sách mượn đi trả lại. Nhưng tất cả đã lọt mắt ông cụ già. Ông thì thương song bà nhất định không thuận. Bẽ bàng chàng kiếm cớ ra đi. Và đến khi chàng trở lại thì nàng đã ra người thiên cổ.
Mối tình thơ mộng và bi thảm ấy đã để lại về phía Phạm Thái một ít thơ văn:

1.- *Bài văn tế Quỳnh Như* trước mộ nàng, có chỗ thảm thiết như:

Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nấn ná nhân duyên - Mình long đong thân gái liễu bồ, vì giận phận hóa ngang tàng tính mệnh.
Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm, chua xót cũng vì đâu, não nuột cũng vì đâu.
Nay qua nắm cỏ xanh, thương người phận bạc, xụt xùi hai hàng tình lệ, giãi bày một bức khốc văn, đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử.

2. *Mấy bài thơ* tỏ tình thương nhớ với người yêu mà đây là một:

Gửi Trương Quỳnh Như

Dảy hoa đun lá bởi tay trời,
Nghĩ lại tình duyên luống ngậm ngùi.
Bắc yến nam hồng thư mấy bức,
Đông đào tây liễu khách đôi nơi.
Lửa ân dập mãi mà không tắt,
Bể ái khơi hoài cũng chẳng vơi.
Đèn nguyệt trong xanh mây chẳng bợn,
Xin soi xét đến tấm lòng ai.

3. *Truyện Sơ Kính Tân Trang*:

Truyện kể cuộc tình duyên trắc trở của chàng Phạm Kim với Trương Quỳnh nương. Nguyên hai bên cha mẹ đã trao tặng lược gương (sơ: cái lược, kính: cái gương) để đính ước cho đôi trẻ,

nhưng loạn lạc xảy ra khiến cho hai nhà xa nhau, không đường tin tức. Rồi Phạm Công mất, cửa nhà tan tác, Phạm Kim buốn đi ngao du, tình cờ tìm ra nhà Trương Công, được gặp Quỳnh nương, cùng nhau trao đổi thư từ. Nhưng lúc ấy, một vị đô đốc có quyền thế đến nhà họ Trương, xin hỏi và cưới ngay Quỳnh nương. Trương Công sợ hãi bối rối. Quỳnh nương biết không tránh được sự ép duyên nên nhắn tin để gặp gỡ vĩnh biệt Phạm Kim rồi uống thuốc độc tự tử. Phạm Kim buồn bã gởi thân nơi cửa Phật, mong dịu vết thương lòng. Trương Công lại còn một người con gái nữa là Thụy Châu. Khi trưởng thành gặp lúc vua ra lệnh tuyển cung nữ, Thụy Châu để tránh ẩn phải giả trai làm một đạo sĩ cùng một nữ tì giả dạng làm tiểu đồng, rời nhà đi ngao du. Thụy Châu đến chơi ngôi chùa của Phạm Kim, cùng vị thiền tăng này xướng họa rất là tương đắc. Sau đó Phạm Kim bỏ chùa tiếp tục việc học, không dè đến nhập môn chính Trương Công, và được Trương mến tài lưu lại trong nhà. Phạm có dịp nhận ra người con gái cải trang bữa trước, túc là Thụy Châu. Lại nhờ có những kỷ vật mà Phạm được nhận ra là con người của Quỳnh nương ngày xưa. Vành lược cũ đính ước cùng cô chị nay gài lên mái tóc cô em (thế là Sơ kính tân trang). Tuy nhiên dầu vui duyên mới chàng Kim vẫn nhớ nghĩa xưa.

Truyện này làm ra hẳn sau khi tác giả đã nếm trải hận tình (có thể chắc là làm trong những năm cuối đời Cảnh Thịnh). Như có thể thấy ở trên, chỉ là câu truyện của chính tác giả được cải trang đi đôi chút (tên học của các nhân vật thì lại quá bộc lộ). Tác giả thêm ra chi tiết ly kỳ, như sự đính ước từ trước giữa hai nhà, nhất là cả một hậu hồi đem mối duyên em cũng rất ly kỳ hứng thú để đền vào tình chị. Thât là một giấc mơ trong phòng văn của một chàng nghệ sĩ thất tình. Và ta có thể thấy trên mỗi trang truyện tâm hồn của tác giả bộc lộ đằm thắm. Tuy nhiên truyện kém nghệ thuật, kết cấu lôi thôi, lời văn thường nặng nề, chất phác. Câu thơ lục bát kém nhã luyện.

Có thể dẫn đoạn tả nàng Trương Quỳnh làm thí dụ:

Trương Công là đấng nghiêm đường,
Vốn dòng ngọc diệp tên nàng Quỳnh thư.
Xuân hoa bữa ấy đang vừa,
Tuổi vừa đôi tám phong tư lạ lùng.
Thước tầm phong dạng bằng ông,
Lam pha mày liễu, mỡ đông da ngà.
Chiều cá nhảy vẻ nhạn sa,
Mặt long lanh nguyệt tóc rà rà mây.
Má hồng môi thắm hây hây,
Khổ mê thược dược, thức say hải đường.
Chiều sánh ngọc vẻ so vàng,
Ôi hoa vì sắc, ủ hương vì mầu.

Tóm lại về cuộc tình duyên trắc trở của ông, Phạm Thái đã ký thác nhiều trên trang giấy, để lại nhiều áng thi văn từ một hứng ấy nẩy ra. Song bên cạnh Phạm Thái, Trương Quỳnh Như cũng là một nữ sĩ, một cây bút nôm luyện tập. Ái tình trong con tim trong trắng của nàng cũng đã khơi nguồn cho mộng cho thơ. Nay còn lưu lại một số bài làm chứng tích cho cuộc tình duyên về phía Quỳnh Như. Ta thấy có những bài gởi cho Phạm Thái, những bài đề vịnh cảnh vật. Đây là một trong 12 bài thơ vịnh 12 giờ, cho ta thấy tâm trạng của cô xuân nữ lần đầu biết đến cái sầu tương tư.

Vịnh giờ Sửu

Đằng đẳng canh dài khá cách đêm,
Đìu hiu giờ Sửu giấc nào êm.
Tiếng hàn chiêm nện hơi sương lạnh,

Trận hỏa thang nung dạ sắt mềm.
Eo óc giục người gà nội quạnh,
Véo von gọi khách dế bên thềm.
Vắt tay ngang mặt mong cho sáng,
Thấy sáng mà sầu đã lại thêm.

IV. Những bài thơ ngẫu cảm của Phạm Thái

Ngoài phần thi văn trên, Phạm Thái còn để lại nhiều bài thơ bình nhật ngẫu cảm. Đặc sắc nhất là những bài ông làm ra sau khi chí lớn không thành, mộng tình tan vỡ, cất bước lang thanh khắp nơi, tìm quên lãng trong men rượu. Những bài này thường lộ cái ý chán đời cùng cực, giọng khinh bạc và ngông ngạo.

Như bài *Tự trào*:

Có ai muốn biết tuổi tên chi,
Vừa chẵn ba mươi gọi chút Lì.
Năm bảy bài thơ gầy gối hạc,
Một vài đứa trẻ béo răng nghê.
Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuốc,
Bầu dốc kiền khôn giọng bét be.
Miễn được ngày nào cho sướng kiếp,
Sống thời nuôi lấy chết chôn đi.

Hay bài *Tự thuật*:

Năm bảy năm nay cứ loạn ly,
Cảm thương thân phận lỡ qua thì.
Ba mươi tuổi lẻ là bao tá,
Năm sáu đời vua thật chóng ghê.
Một tập thơ sầu ngâm đã chán,
Vài be rượu lạt uống ra gì!
Thôi về tiên phật cho xong nợ,
Cái kiếp trần gian sống mãi chi!

V. Một trường hợp xã hội

Điểm lại văn học sử nước nhà, ta thấy câu truyện Phạm Thái Quỳnh Như trên quả là một trường hợp đặc biệt. Trong xã hội nho giáo ngày xưa, ở một gia đình nền lễ sân thi như họ Trương mà cô con gái dám tự do yêu đương, dám phản kháng lệnh hứa hôn của cha mẹ, lại dám tìm đến cái chết để khỏi phụ người yêu, thì tiếng nói của tình cảm, của cá nhân, của nữ lưu quả đã vươn cao lắm. Xem truyện, người ta có cảm tưởng như việc xẩy ra mới đây, hồi đầu thế kỷ này khi tư trào Âu Tây tràn vào phá vỡ luân lý Khổng Mạnh. Thì ra cơn sóng lãng mạn không phải không có những lúc xô dội ghê gớm trong xã hội nho giáo ngày xưa. Nhưng ta cũng cần đặt câu truyện vào thời đại của nó để dễ hiểu hơn. Thời Lê Mạt ở nước ta chính là thời loạn ly tàn phá. Những khuôn phép luân lý đã hết khắt khe. Tình cảm cá nhân được buông thả. Mặt khác nếp sống hưởng thụ, không khí dật lạc, phong thượng diễm tình nẩy nở, lan tràn từ vua chúa xuống quý tộc. Những áng văn đời Trịnh mà ta đã phân tích như Chinh phụ, Cung oán, Hoa Tiên là những vết tích văn học. Trường hợp Phạm Thái, Quỳnh Như đây là một bằng chứng xã hội.

Cứ xem câu truyện cùng thi văn họ để lại thì thấy cả hai đều là trong hạng nòi tình của xã hội thời ấy. Quỳnh Như là một gái khuê các, một thứ "người em sầu mộng trong song", hẳn từng là độc giả say mê của Tây Sương, Tình Sử. Gặp chàng hiệp sĩ như trong mộng tưởng, nàng đã theo trớn lãng mạn, hiến dâng cho tình yêu cả linh hồn, cả sự sống. Phạm Thái tuy nói có chí lớn muốn đánh Tây Sơn để khôi phục nhà Lê, song chẳng qua là khách khí của tuổi đôi mươi, một thứ lửa rơm mà vài thất bại con con đủ để dập tắt. Cái cốt cách của Phạm Thái là con người công tử năng tửu, năng thi của những gia đình hiển quý dưới chúa Trịnh, nhiều tài hoa hơn là chí khí, giầu tưởng tượng hơn là nghị lực. Cho nên soi vào đôi mắt giai nhân, gan tráng sĩ đã thành mây khói. Rồi từ đeo vết thương lòng, nhận sự thất bại như một định mệnh, coi chán đời như một chủ nghĩa, kéo dài tháng năm vô vọng trong rượu quán và thơ ngông. Phạm Thái ở địa hạt hàng động không nên trò trống gì nhưng dưới con mắt nhà văn học, hình ảnh của ông thật là quyến rũ. Người trai thời loạn ấy đã đeo gươm tráng sĩ, đã khoác áo thiền sư, lại đóng vai tình lang nồng nhiệt, để rồi đương tuổi thanh xuân, đeo nặng cuộc đời như một cùm xích, con người ấy quả cũng đã hội hợp được tất cả những gì gọi là lãng mạn trong quan niệm của chúng ta nay.

VI. Sự xuất hiện của bài Từ

Trong những sáng tác của Phạm Thái và Quỳnh Như, còn lưu lại mươi bài Từ, đó cũng là một đặc sắc đáng chúng ta ghi nhận để kết thúc về đôi văn sĩ này.

Trong văn học Trung hoa, Từ là một thể thơ với những câu dài ngắn không đều và xuất hiện sau Thi. Đó là một thành tích của nhà thơ Trung hoa muốn phá vỡ những quy tắc khắt khe của bài Đường luật để đem lại cho điệu thơ nhiều biến đổi, cũng để thích ứng lời thơ cho việc phổ nhạc. Bài Từ khởi lên ngay từ đời Đường *(Lý Bạch đã có làm, Ôn Đình Quân đời Vãn Đường thường chuyên)*, qua đời Tống thì rất thịnh hành. Bài Từ không có một khuôn khổ duy nhất. Các thi gia, nhạc gia chế ra nhiều điệu, đặt cho mỗi điệu một tên *(có cả trăm điệu, kể mươi điệu quen biết: Bồ tát man, Ức Tân Nga, Mộng Giang Nam, Điệp luyến hoa, Tây giang nguyệt, Trường tương tư, Tố ai tình ...)*. Mỗi điệu có một số câu với số chữ và cách gieo vần nhất định.

Trong văn học ta bài Từ chữ Hán có ngay từ đời Lý *(bài Từ nổi tiếng của sư Ngô Chân Lưu tiễn sứ giả Lý Giác, theo điệu Tống Vương Lang quy)*. Song về Việt văn thì có lẽ chỉ tới đây ta mới bắt gặp lần đầu dưới ngòi bút của Phạm Thái và Quỳnh Như (1). Cũng bởi Từ (ngay trong tinh thần Trung hoa) là lối sáng tác nặng màu tình cảm, thường mượn tiết tấu uyển chuyển, lời lẽ nùng diễm, để đạo đạt những u tình, kiến ngộ, nhất là rất xứng hợp để bọn tài tử giai nhân khơi tả nỗi sầu tư luyến tưởng. Cho nên ta không lấy làm ngạc nhiên thấy xuất hiện dưới bút của đôi công tử tiểu thư Lê mạt này trong câu truyện tình duyên của họ. Tuy nhiên loại Từ này không thấy nẩy nở về sau, trừ có ngành ca Huế về sau lợi dụng nó rộng rãi, còn không thấy dưới ngòi bút các thi gia. Có lẽ phần vì nó lả lướt, phóng túng, không mực thước nghiêm trang như bài Đường Luật, nên không hợp với óc quy củ của nho gia ta, phần nữa vì nếu chỉ cần cho âm điệu biến đổi, tiết tấu phong phú thì ta đã có sẵn những lối song thất, hát nói, giầu nhạc tính hơn nhiều.

Trong những sáng tác của Phạm Thái và Quỳnh Như, bài Từ thường được lồng vào những câu lục bát hoặc song thất. Đây là hai thí dụ:

Thăm chùa Non Nước

Trèo lên Dục thúy thăm chiền,
Non xanh nước biếc cảnh tiên dưới trần.
Thướt tha mây trắng một làn,
Như buông bốn phía cánh màn bạch sa.
Chim hót véo von chào khách,

Cỏ thơm hớn hở mừng ai.
Gió thu rung động mấy cành mai,
Khêu gợi hồn thơ lai láng.
Cầm bút đề lên thạch tảng,
Một bài cổ tích cảm hoài.
Nào người chiến sĩ kẻ văn tài,
Khôn hỏi Nước non đâu tá?

(Phạm Thái)

Gửi Trương Quỳnh Như

Ai lên tử các thanh vân,
Hỏi thăm ả Tố, chiều xuân thế nào?
Cầm âm một khúc gửi trao,
Cậy lòng dì gió, đưa vào xuân cung.
Oanh yến véo von gọi khách,
Cỏ hoa hớn hở mừng ai.
Gió xuân hây hẩy giục đưa người,
Dễ khiến lòng thơ bối rối.
Thấp thoáng thoi oanh dệt liễu,
Thung thăng phấn bướm dồi mai.
Vũ lăng xa diễn biết bao vời!
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá?
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá?
Giòng ngự câu đeo lá tình thi.
May thay một hội tương kỳ,
Đã bên tình phận lại bề phong lưu.

(Phạm Thái)

Hai bài Từ trên đều theo điệu Tây giang nguyệt (2), có 8 câu, 50 chữ. Bài Từ Trung hoa hiện rõ ra giữa các câu thơ ta vì chỉ có cước vận.

Phạm Thế Ngũ
(Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên II,
Đại Nam xuất bản tại Hoa Kỳ, không đề năm)

Ghi Chú:

1) Thật ra ở "Tư Dung vãn" của Đào Duy Từ ta đã thấy có xen những bài đoản ca gồm vài câu trường đoản cú song không theo rõ một điệu từ nào. Trong nhiều truyện nôm (như Truyện Kiều) ta cũng thấy giữa lời thuật sự, tác giả thường xen vào những bài thi, từ của nhân vật, nhưng các bài thi từ ấy thường đều bằng Hán văn cả.
2) Tây giang nguyệt (cũng gọi là Bộ hư từ) là một trong những điệu từ ưa thích của nhà thơ Tàu. Để nhận rõ cách thức ta đã bắt chước như thế nào, có thể xét theo một bài từ chữ Hán, cũng điệu ấy, của Tô Thức đời Tống:

Hoàng châu trung thu
Thế sự nhất trường đại mộng

Nhân sinh kỷ độ tân lương.
Dạ lai phong diệp dĩ minh lang,
Khán thủ mi đầu mấn thương.
Tửu tiện thường sầu khách thiểu,
Nguyệt minh đa bị vân phương.
Trung thu thủy dữ cộng cô quang,
Bả tràn thể nhiên bắc vọng.

(Trong Tống từ Tam bách thủ)
Trong sách VNVHSGUTB có in thêm phần chữ Hán)

Chuyện Tiêu Sơn

Bài Trương Quỳnh Như

Ta còn rượu - chỉ vắng người,
Bài thơ họa dở, tình ơi sao buồn.
Kinh kỳ lạnh những hoàng hôn,
Lối quen lầu cũ, bước dồn - sợ đau
Tiêu Sơn cách mấy giang đầu,
Xa thêm - người đã thay màu áo xưa.
Khuê phòng trằn trọc tiểu thư,
Rừng hoang cổ tự thiền sư ngậm ngùi.
Nến hồng lửa ngọn chẳng vui,
Vườn khuya trăng đã ngủ vùi trong mây.
Sương đêm mờ mịt sông đầy,
Vạc kêu,ta nhớ vừa say một mình.

Bài Phạm Thái.

Từ mượn nâu sồng che kiếm bạc,
Mười năm gió núi lộng thư phòng.
Rượu cạn, bình khô, chiều nắng tắt,
Nhớ người, tê buốt ngọn thu phong.
Thao thức nghìn khuya Tiêu Sơn lạnh,
Nửa đời mộng lỡ, nhạt chờ mong.
Cổ tự mưa sương chìm cô quạnh,
Kệ buồn, tráng sĩ để sầu đong.
Gươm báu vẫn nằm yên trong vỏ,
Ngựa chồn soi bóng lặng suối trong.
Những sớm rừng hoang vang tiếng mõ,
Trông vời, xa cách mấy Thăng Long.
Thôi trả dọc ngang cho thiên hạ,
Tình ơi, chuyện cũ xót xa lòng.
Khóe mắt giai nhân tàn trí cả,
Chùa nghèo, trà đắng, nhện đầy song.

***

Đoạn cuối Tiêu Sơn

Trương Quỳnh Như

Nhớ người chợt tỉnh cơn say,
Kinh đô đêm lạnh, trăng gầy mông lung.
Gọi tên âm lạc, thanh chùng,
Tiêu Sơn xa đã vô cùng, tình ơi !

Phạm Thái

Dọc ngang thôi trả cho đời,
Tương tư xin gửi lại người, Quỳnh Như.
Câu kinh thay tiếng tạ từ,
Chiều sương, chùa vắng, thiền sư nghẹn ngào.

Bạt

Giai nhân, hề, vẫn chiêm bao,
Thất phu, hề, biết chốn nào dung thân ?

Mối tình Phạm Thái - Trương Quỳnh Như, chứng tích của tình yêu tự do và lãng mạn

Tịnh Ý

Trong văn học cổ của nước ta -*bình dân cũng như bác học*- từ điệu hò câu hát mộc mạc ở miền quê, đến những khúc ngâm, thể truyện của các tác gia, tình yêu vẫn là đề tài được nhiều người ưa chuộng, giới sáng tác cũng như giới thưởng ngoạn. Đề tài tình yêu trong văn học rất phong phú. Từ những mối tình được truyền tụng trong dân gian như *Thoại Khanh-Châu Tuấn*, chuyện tình *Trương Chi-Mị Nương* lãng mạn hiền hòa đến những mối tình bi thương dang dở như *Kim Trọng-Thúy Kiều, Hạnh Nguyên - Mai Sinh*, pha lẫn chút hương vị tiên giới như chuyện tình của *Giáng Kiều - Tú Uyên* hay đượm chút thần thoại ly kỳ như chuyện tình giữa *Sơn Tinh, Thủy Tinh và nàng Mị Nương*… tác phẩm nào cũng xây dựng trên những câu chuyện tình.

Vào thế kỷ 18, văn học Việt Nam phát triển về cả chất và lượng. Các nhà văn học sử mệnh danh đây là „*thời kỳ văn học phát triển*[1]“ bởi sự ra đời rầm rộ của nhiều tác giả, tác phẩm, đặc biệt là những tác phẩm viết về tình yêu mang những nội dung mới lạ, khởi sắc hơn những thời kỳ trước đó rất nhiều. Chúng ta có thể kể đến truyện *Phan Trần, Tống Chân Cúc Hoa, Nhị Độ Mai, Bích Câu kỳ ngộ, Cung oán ngâm, Chinh phụ ngâm*…để rồi đến đầu nửa thế kỷ 19 xuất hiện kiệt tác „*Truyện Kim Vân Kiều*“ của Nguyễn Du nổi danh là *„đệ nhất tài tử„*trong làng văn học. Nhiều tư tưởng mới mang tính phản kháng đã dần dà xuất hiện trong thời kỳ này, đặc biệt là vai trò của người phụ nữ trong tình yêu. Từ ý hướng muốn thoát ra khỏi những ràng buộc khắt khe của các định chế xã hội, của luân thường đạo lý, đến ý muốn vượt qua quan niệm giai cấp, chối bỏ lề thói „*môn đăng hộ đối*“ trong tình yêu và hôn nhân … cho ta thấy diện mạo của thời kỳ văn học này đã thay đổi.

Tuy nhiên các nhà văn, nhà thơ ngày trước khi viết về tình yêu, đa số chỉ mượn những chuyện đã lưu hành trong dân gian hay những mối tình trong thơ văn của Trung Hoa rồi phô diễn lại, nhân thể gởi gắm thêm chút tâm tình của mình. Ít có ai mạnh dạn đem cuộc tình của mình phơi bày cùng người đọc, dẫu đó là những hạnh phúc hay là những đau thương khắc khoải của chính lòng họ.
Truyện Kiều của Nguyễn Du là truyện có nguồn gốc từ đời nhà Minh bên Trung Hoa:
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh vững vàng.

Truyện Nhị Độ Mai là truyện thuộc về đời Đường:
Truyện ngoài xem Nhị Độ Mai,
Nhà Đường truyền vị đến đời Đức Tông.

Hoặc truyện Phan Trần:
Thấy năm triều Tống Tĩnh Khang,
Một chàng Hòa quận, một chàng Đàm Chu.

Còn những truyện được lưu truyền trong nhân gian như Trương Chi-Mỵ Nương thì họ kể, ví như : *Ngày xửa, ngày xưa, có anh Trương Chi…*Nhưng cũng vào thời kỳ này, văn đàn Việt Nam đã có hai nhà thơ sống say đắm trong tình yêu và đã sử dụng thi ca để ngợi ca tình yêu của họ.

Họ là những người muốn được yêu và muốn vượt khỏi vòng lễ giáo khắt khe của xã hội.
Họ yêu nhau dẫu có sự ngăn cản của gia đình. Nhưng vì không thể lấy *chữ Tình* để thắng lướt niềm *Hiếu đạo* của kẻ làm con, lại càng không muốn phụ bạc với người yêu, tình yêu của họ đã đưa đến thảm cảnh xót xa.
Họ là những nhà thơ, nhưng thi ca với họ không chỉ là phương tiện để ngâm ca suông trong thú giải sầu mà còn là chút *Hương,* chút *Gió* trao gởi tâm tình của mình cho người mình yêu.
Họ đã sống, yêu và viết cho tình yêu.
Họ cũng đã chết bởi tình yêu.

Những con người nòi tình đó là: PHẠM THÁI- TRƯƠNG QUỲNH NHƯ
Mối tình của Phạm Thái Trương Quỳnh Như là một mối tình đẹp, đầy thi vị như những cuộc tình thường được ca ngợi trong thi ca hay trong tiểu thuyết. Riêng về mặt văn học, mối tình Phạm Thái -Trương Quỳnh Như lại mang một giá trị đặc biệt. Đó là chứng tích của tình yêu tự do và lãng mạn trong thời kỳ văn học cổ điển của nước ta vào đầu thế kỷ 19.
Điều đó có thể thấy rõ qua cuộc đời cũng như thi ca và tiểu thuyết của chính các đương sự đã để lại, đặc biệt qua tác phẩm *Sơ Kính Tân Trang*[2] *(SKTT)* của Phạm Thái viết về mối tình của chính ông với Trương Quỳnh Như.

PHẠM THÁI- TRƯƠNG QUỲNH NHƯ- NHỮNG KẺ TÀI HOA
Phạm Thái Trương Quỳnh Như là những trang thanh niên nam nữ nổi tiếng tài hoa. Phạm Thái còn có tên là *Phạm Phụng*[3], sinh năm 1777, quê ở làng Yên Thượng, huyện Đông Ngàn, nay thuộc Từ Sơn Bắc Ninh. Thái là con của Thạch Trung Hầu[4], một cựu thần của nhà Lê, đã nhiều lần khởi binh cần vương chống nhà Tây Sơn nhưng thất bại. Xuất thân từ một gia đình vọng tộc, lại ưa chuộng thi thư, Phạm Thái có lắm tài hoa. Từ phong thái tư chất khác người đến kiến thức uyên bác, làu thông những về thơ văn mà cả Nho, Y, Lý ,Số… môn nào Phạm Thái cũng giỏi:
Hồng thưa rằng khách xa vùng,
Có chiều tuấn dật, có đồng thanh cao
Xem chiều mỹ khổ, mận đào,
Vốn người Kinh Bắc mà vào Thùy Dương.[5]

Đó là vẻ đẹp bề ngoài của Phạm Thái. Đẹp trai, thanh tú (*mỹ khổ, mận đào*…) nhưng không phải chỉ là vẻ đẹp của thể chất, của hình thức, mà còn toát lên dáng thanh cao của một chàng thư sinh hào hoa, phong nhã (*tuấn dật*, *thanh cao.)* Dáng vẻ bên ngoài của Phạm Thái đã thế, còn tài năng của ông ta thì ít người sánh bằng :

Từ chương, phú lục văn thi,
Cung đao, kiếm mã mọi bề làu thông.
Nghề chơi tài tử lọt vòng,
Vang đàn thi bá, nổi vùng cầm tiên.
Cờ thần, rượu thánh nức tên,
Tiên bay, múa phượng, địch thiên gáy hoàng.
Nghề thuật số vốn tinh tường,
Gồm bên Tiên, Thích, đủ đường Lý, Y.[6]

Cứ như ông tự kể, thì Phạm Thái là con người tài hoa. Thật ra đó cũng không phải là một điều quá đáng. Sử và văn học sử không còn lưu lại nhiều tài liệu về ông ngoài cuốn *Sơ Kính Tân Trang*[7], cuốn tự truyện của ông và người tình Trương Quỳnh Như mà ông say đắm. Từ Sơ Kính Tân Trang và những bài phú, bài từ của ông còn để lại, không ai có thể phủ nhận thiên tài của ông trên lãnh vực thơ phú, thi từ.. Điều này chúng ta có thể thấy rõ hơn trong quá trình tìm hiểu cuộc tình lãng mạn của ông. Về những tài hoa khác, như những hiểu biết rộng rãi của ông về tướng số, y lý…khả năng vượt trội của ông về *cầm kỳ thi tửu*…Phạm Thái cũng tự chứng tỏ ông là con người sành sõi .

Phạm Thái viết về khoa địa lý, khi ông ta lo việc sứ sang ngôi mộ tổ :

Sửa sang một cuộc âm phần,
Hàm thư, Đan phượng lắm phần tinh hoa.
Minh đường, Chung tú thay là
Án Thai sơn trấn, trẩm Sa thuỷ chiền.[8]

Hoặc khi ông ta đề cập đến tướng số của chính ông và của Trương Quỳnh Như.

Về Phạm Thái :

Tử vi xem mới lạ thường,
Lộc quyền chiếu mạng, khúc xương giáp trì.
Âm dương lưỡng diện càng ghê.
Việt, Khôi ,Tử phủ đóng về thâm cung.
Còn e dương kiếp đà không,
Nửa trong vận chửa khỏi vòng truân chuyên.
(SKTT. 69-74)

Còn tướng số của Trương Quỳnh Như thì :

Chỉn e tướng số chưa yên,
Hay là vì chữ Hồng nhan quảy gàn
Hai cung Nhật, Nguyệt[9] *thần quang,*
Tài thông minh với văn chương rất kỳ
Song hiềm Phúc ấn, Tiêm đề[10]*,*
E đường Thọ khảo kém bề phu quân.
Tiền định hoa tạ tàn xuân,
Hay phần quy ẩn, xấu phần tư cơ
(SKTT.414-421)

Không những thi thư phú lục, lý số…Phạm Thái đã là người uyên bác, tài hoa, ông còn là người có chí khí anh hùng, giỏi võ nghệ. Cuộc đời làm cách mạng, theo Cần vương trong giấc mộng

dựng lại cơ đồ nhà Lê của ông là một minh chứng. Phạm Thái vừa phảng phất vẻ hào hùng vừa lẫn lộn dáng tài tử như nhân vật Từ Hải của Nguyễn Du :
Giang hồ quen thói vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non song một chèo
(K. 2173-2174)

Một trong những tài hoa khác trong bốn thú phong lưu mà người đời thường ca tụng "*Cầm, Kỳ, Thi, Tửu*, thì rượu là món sở trường của Phạm Thái. Suốt cuộc đời, ông là người bạn chí tình của rượu, bên cạnh bóng dáng Trương Quỳnh Như, nhất là sau khi Quỳnh Như đã chết. Trước những thất bại của phong trào cần vương, những mất mát của tình yêu, Phạm Thái trở thành người cuồng sĩ chỉ biết tìm vui trong chén rượu:
Sống ở dương gian đánh chén nhè,
Chết về âm phủ cắp kè kè.
Diêm vương phán hỏi rằng: - Chi đó?
- Be!

Phạm Thái tuấn tú tài hoa như vậy thì Trương Quỳnh Như cũng là một thục nữ mỹ miều, xinh đẹp. Quỳnh Như là con gái của Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quỹ, em gái của Thanh Xuyên Hầu Trương Đăng Thụ, quê làng Thanh Nê, huyện Ý Yên, Nam Định. Từ dòng dõi "*kim chi ngọc diệp*"dưới mắt Phạm Thái nàng không chỉ là cô gái sắc nước hương trời, chim sa cá lặn mà còn là người thông minh xuất chúng, đã từng theo đòi kinh sử, thi thư:
Trương công là đấng nghiêm đường,
Vốn dòng ngọc điệp, tên nàng Quỳnh Thư.
Xuân hoa bậc ấy đang vừa,
Tuổi vừa đôi tám, phong tư lạ lùng.
Thước tầm phỏng dạng bằng ông,
Lam pha mày liễu, mỡ đông da gà.
Chiều cá nhảy, vẻ nhạn sa,
Mắt long lanh nguyệt, thức rà rà mây.
Má hồng môi thắm hây hây…
Khổ mê thược dược, thức say hải đường

Nàng được cha mẹ cho ăn mặc như con trai để đi học. Với trí tuệ khác thường, Quỳnh Như học rất giỏi. Lớn lên nàng lại xinh đẹp mỹ miều. Vẻ đẹp của nàng khiến chim sa cá lặn *(chiều cá nhảy, vẻ nhạn sa)* mắt sáng trong hiền dịu như ánh trăng (*mắt long lanh nguyệt)* tóc mềm mại lả lướt như những đám mây *(thức rà rà mây).* Má môi nàng hồng thắm hây hây…Với dung nhan đó thì đến cả hoa lá cũng phải mê say nàng:
Khổ mê thược dược, thức say hải đường.
So với sắc đẹp của Thúy Vân, Thúy Kiều mà Nguyễn Du ca ngợi:
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Hay là:
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Vẻ đẹp của Quỳnh Như đâu có kém gì!
Về thi ca của Trương Quỳnh Như, như chúng ta biết, nhờ được theo đòi kinh sử lại thêm đa tài, Quỳnh Như cũng đã sáng tác thơ ca. Chúng ta đã từng biết đến sự nghiệp thơ ca của các nữ sĩ như Ngọc Hân Công Chúa, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, nhưng chúng ta cũng còn có Trương Quỳnh Như, bậc nữ lưu trong giai đoạn đầu của thế kỷ 19.

Thơ ca của Trương Quỳnh Như để lại không nhiều. Ngày nay chúng ta biết được một phần lớn là các bài thơ, bài Từ, có liên quan với mối tình của nàng với Phạm Thái. Tuy ít ỏi, nhưng đó là những châu ngọc quý báu đối với giai đoạn văn học này, nhất là trong giới nữ lưu.
Phạm Thái-Trương Quỳnh Như là những trang nam nữ tài hoa và nhiều cao vọng. Mộng cần vương của Phạm Thái cũng chính là mơ ước của những *trung thần bất sự nhị quân* trong gia đình họ Trương:
Sông trôi đất Bắc in dòng đỏ
Núi đứng trời Nam nhuộm vẻ thanh.
Khúc khải hoàn ca rồi mạnh mẽ
Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh!

Ngoài mộng đồ vương, Phạm Thái-Trương Quỳnh Như còn say mê thú giang hồ phiêu lãng, ngao du đây đó, thăm viếng nhưng danh lam thắng tích trong vùng.
Phạm Thái đã từng:
Trãi qua Dục Thúy,Thần Phù
Kìa cung Giáng Hạc, nọ chùa Ngự Loan.
Sáng Bích Đồng, tối tràng An,
Có đền Nhị Đế, có hang Cửu Tằng…

Trương Quỳnh Như cũng đã viếng thăm chùa này, đền nọ. Khi lên Non Nước, lúc xuống Đồ Sơn:
Thăm Chùa Non Nước
Trèo lên Dục Thúy thăm chiền,
Non xanh nước biếc cảnh tiên dưới trần.
Thướt tha mây trắng một làn,
Như buông bốn phía cánh màu bạch sa.
Chim hót véo von chào khách,
Cỏ thơm hớn hở chào ai,
Gió thu rung động mấy cành mai,
Khêu gợi hồn thơ lai láng.
Cầm bút đề lên thạch tảng,
Một bài cổ tích cảm hoài.
Nào người chiến sĩ kẻ văn tài,
Khôn hỏi nước non đâu tá?

Bước chân của Phạm Thái thuở giang hồ đã đi gần khắp những đền đài thắng tích của miền Bắc. Nào Dục Thúy Thần Phù, nào Bích Động Tràng An, nào chùa Hương Tích, nào bể Đồ Sơn. Nào qua Phật Tích, nào đến Hùng Vương…và lúc mang mộng cần vương lại lên Kinh Bắc, Lạng Sơn, lúc xuôi về Thanh Nê, Nam Định, đâu đâu cũng đã có dấu chân ông.
Phạm Thái - Trương Quỳnh Như là những con người tài hoa và nhiều ước vọng.
Nhưng xưa nay mấy ai tài hoa mà nên vinh hiển, mấy ai ước vọng cao xa mà được phỉ nguyền? Trời xanh vẫn bày nên những ngang trái. Câu "*Tạo vật đố toàn*" vẫn là một định luật xưa nay. Khách hồng nhan thường phải truân chuyên và kẻ anh tài lại hay bạc mệnh. Đó phải chăng là những quy luật của tạo hóa, để Nguyễn Du khi mở đầu truyện Kiều phải bật lên lời than:
Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ "tài" chữ "mệnh" khéo là ghét nhau!
Hay Nguyễn Gia Thiều trong Cung Oán Ngâm:
Oán chi những khách tiêu phòng,
Mà xui phận bạc nằm trong má đào!

Phạm Thái Trương Quỳnh Như là những con người tài hoa và nhiều cao vọng. Họ đã có những ngày tháng thật hạnh phúc bên nhau. Những tưởng mộng ước của họ sẽ thành tựu. Nhưng

không ngờ tài hoa và mộng ước ấy chỉ tạo nên những ghét ghen của trời già để rồi cuộc tình của hai người phải dở dang và cả hai đã phải lìa bỏ cuộc đời khi tuổi còn xanh, rất xanh!

MỐI TÌNH PHẠM THÁI-TRƯƠNG QUỲNH NHƯ: NHỮNG NGÀY THƠ MỘNG
Mùa Xuân năm Ất Dậu (1789) Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh. Lê Chiêu Thống và Hoàng Quý Phi phải chạy trốn sang Tàu. Triều đại Nhà Lê sau mấy trăm năm trị vì ở Thăng Long chấm dứt. Triều đại Tây sơn thay thế. Nhưng cũng từ đó không thiếu các quan lại sĩ phu luyến tiếc triều đại cũ không chịu hợp tác với triều đình mới. Họ luyến tiếc vì truyền thống của Khổng Mạnh *"trung thần bất sự nhị quân",* tôi trung không thờ hai chúa. Họ là những Trần Danh Án[16], Lê Quýnh[17], Hoàng Quang[18], Phạm Thái…Nhưng có thể họ luyến tiếc vì gia đình họ, đã nhiều đời hưởng ơn vua lộc nước. Đó là trường hợp của Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan…

Một trong những sĩ phu nổi tiếng của Bắc Hà đã ba lần khôn khéo từ khước lời mời ra hợp tác với Tây Sơn là La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp.
Dầu phu tử được Quang Trung Nguyễn Huệ trọng vọng, lúc thì coi như Y Doãn, Chu Công; lúc thì lời lẽ thống thiết, ý thư trân trọng *"...Mong phu tử nghĩ đến thiên hạ với sinh dân,vụt dậy đi ra, để quả đức có thầy mà thờ,cho đời này có người mà cậy"…*[19] lúc thì sai cả quan Hình bộ thượng thư mang thư và lễ vật tới, lời lẽ khôn khéo *" Nay xét ý Phu tử, thấy có ba lẽ này mà không thèm ra chăng : Anh em quả đức nguyên chỉ trơ trọi là một tụi ấp trưởng, nổi lên ở phương Tây*[20]*…*
Phu tử vẫn từ chối. Giải thích về việc ba lần cụ từ chối ra hợp tác với nhà Tây Sơn, giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết: *"… khinh Tây Sơn là tụi ấp trưởng nổi lên, La sơn phu tử chắc cũng nghĩ thế thật, nhưng thế nào cũng chối…Còn có lẽ thâm áo mà hai bên cùng biết, là cụ chỉ nhận có vua Lê là chính thống mà thôi."*

Cha của Phạm Thái, Thạch trung Hầu, cũng theo tiếng gọi của *"Cần vương*" nhưng thất bại (1796). Ngày ấy, Thái vừa tròn hai mươi tuổi. Bao đời hưởng ơn vua lộc chúa, Phạm Thái muốn tiếp nối con đường của cha anh, theo đuổi mộng cần vương, xoay lại cơ đồ cho nhà Lê.
Không phải sĩ phu Bắc Hà ai ai cũng có lòng luyến tiếc nhà Lê. Chương Lĩnh hầu Hữu Hộ Lượng[22] là một trong số những người sớm ra cộng tác vối triều đình mới. Lượng còn làm bài phú "*Tụng Tây Hồ"* ca ngợi Thăng Long nhưng thực chất là muốn gián tiếp thời thịnh trị của triều đình Tây Sơn. Đọc được bài phú của Lượng, Phạm Thái giận lắm. Ông ta đã viết trả lại bài *"Chiến Tụng Tây Hồ Phú"*. Có lẽ đây là trường hợp bút chiến hy hữu trong văn học cổ Việt Nam. Ta hãy nghe Phạm Thái nói rõ nguyên do và thời điểm mà ông viết nên bài phú:
"Năm Canh Thân (1800) mù Hạ, ta đến chơi với bạn ở Tràng An[23] *nghe bạn ngâm bài Tụng Tây Hồ Phú. Hỏi ai làm ra bài ấy mà hay thế? Bạn rằng: Chương Lĩnh Hầu Hữu Hộ Lượng làm ra. Ta rằng: Chao ôi, Hữu Hộ Lượng à? Xưa hắn làm tôi triều Lê, nay ra làm ngụy, lại còn tụng Tây Hồ mà không thẹn mặt! Ghét đứa nịnh làm sao!*
Nhớ xưa có bài thơ Chiến cổ, nay nhân bỉ kẻ làm bài tụng, ta cũng làm bài chiến tụng để góp một chút trò vui cho đời."

Phạm Thái đã chọn con đường mà ngày đó nhiều sĩ phu đã chọn. Mang trong mình dòng máu thần tử của nhà Lê, Phạm Thái tiếp nối ý chí của cha mình dầu ngày ấy ông còn rất trẻ.
"Căm gan tóc dựng đứng lên
Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng:
Làm trai cho thỏa chí trai
Trong trần ai có lụy ai tầm thường
Tu mi tỏ mặt trượng phu
Đem trung hiếu trả thù non sông."

Phạm Thái tuy rằng mượn tiếng ngao du sơn thủy mà trong lòng vẫn nung nấu ý chí cần vương, tìm đồng chí để trả ơn vua nợ nước, cũng như để trả thù cho cha.

Lúc đầu Phạm Thái gặp Nguyễn Đoàn đang đóng binh ở Yên Thế, nhưng không được Đoàn tin dùng. Phạm Thái lại đang bị quân Tây Sơn truy nã gắt gao, ông đành phải nương bóng nhà chùa với pháp hiệu Phổ Chiêu. Trong một chuyến công tác nhằm đưa Hoàng phi Kim lên Tuyên Quang để chuẩn bị sang Tàu, Thái đã gặp Thanh Xuyên Hầu Trương Đăng Thụ, một đồng chí cần vương đang được Tây Sơn giao trấn Lạng Sơn. Thụ chờ ngày làm nội ứng cho cuộc khởi nghĩa Cần vương. Nhưng Thụ đang bị Tây Sơn nghi ngờ, và cuối cùng bị đầu độc mà chết[25]. Linh cửu đưa về quê tại làng Thanh Nê, Nam Định.
Phạm Thái theo linh cửu của bạn về đó để điếu tang người đồng chí gọi là chút nào đền ơn tri ngộ. Tại đó, cha của Trương Đăng Thụ là Kiến Xuyên Hầu Trương Đăng Quỹ thấy Thái là người tài hoa, có chí khí nên ái mộ và lưu giữ Thái ở lại làm gia sư. Phạm Thái phần quý mến bạn, phần gia đình bạn khẩn hoãn lưu giữ, lại gặp lúc đang long đong chưa biết đi đâu nên nhận lời ở lại, trút áo nhà sư để khoác áo thầy đồ. Chẳng ngờ thời gian này chính là lúc định mệnh đã sắp bày cho tương lai cuộc đời của ông và cô em gái của bạn, Trương Quỳnh Như. Ngồi ghế gia sư ở nhà bạn, gặp em gái bạn vừa là khuê các vừa thông minh, thi thư làu thuộc, hai bên rất là tương đắc. Tình cảm giữa hai người bắt đầu phát sinh. Trai tài gái sắc đã phải lòng nhau. Cả hai bắt đầu làm thơ tỏ tình trao gởi cho nhau.

Dưới mắt của Quỳnh Như, Phạm Thái là trang anh tài trong mộng. Chí cả hiên ngang, sẵn sàng đi vào hiểm nguy để đền ơn vua, trả nợ nước. Thái là trang tài tử, giỏi thơ văn, thích xướng họa, lại được lòng cảm phục của cha nàng. Phạm Thái đã lọt vào mắt xanh của nàng.
Trái tim của cô gái khuê các ngày nào cũng ấp ủ một tình cảm, một *« mối tương tư sầu mộng »*, đằng đẳng chờ đợi từng giờ, từng ngày một bóng hình nào đó, thì bây giờ bóng hình đó đã hiện ra bằng xương bằng thịt trước mắt.
Bài thơ *« Vịnh giờ Sửu »* của Quỳnh Như ít nhiều giúp ta hiểu được tâm trạng chờ đợi trong cô đơn của nàng :
Đằng đẳng canh dài khá cách đêm,
Đìu hiu giờ Sửu giấc nào êm,
Tiếng hàn chiêm nện hơi sương lạnh,
Trận hỏa thang nung dạ sắt mềm.
Eo óc giục người gà nội quạnh,
Véo von gọi khách dế bên thềm.
Vắt tay ngang mặt mong cho sáng,
Thấy sáng mà sầu đã lại thêm.

Nửa đêm *(giờ Sửu- từ một đến ba giờ sáng*) thức giấc không ngủ được, cô gái đang độ xuân thì đôi tám như Quỳnh Như lo nghĩ điều gì? Cô đang sống trong nhung lụa của gia đình quyền quý, cha và anh là những bậc đại quan. Tuổi hoa niên của cô tràn trề sức sống, vậy mà Quỳnh Như vẫn cảm thấy *đằng đẳng, đìu hiu, vắt tay chờ sáng*. Nhưng *thấy sáng mà sầu đã lại thêm*. Quỳnh Như thiếu vắng điều gì nếu không phải là bóng một chàng trai, nếu không phải là tình yêu? Thời gian mỗi ngày mười hai giờ (giờ ta) đối với nàng toàn là quảng thời gian chờ đợi và buồn tủi. Hoặc là sáng sớm, hoặc là nửa đêm hoặc khi ánh tà dương lần khuất sau núi, từng giờ, từng giờ, nàng chỉ cảm thấy trống vắng, cô đơn:
Dậu về buổi tối tủi duyên thầm,
Bỗng thấy như ai đã lại nhầm.

Là cô gái tài sắc lại thêm tâm tình phóng khoáng, cởi mở, lòng rộn ràng muốn yêu và được yêu, thì những khuôn phép ràng buộc của lễ giáo gia đình đã trở thành chật hẹp, tù túng cho đời sống tình cảm của nàng. Sự xuất hiện của Phạm Thái trong hoàn cảnh đó như nguồn suối trong mát cho trái tim khao khát tình yêu của Quỳnh Như.

Ngày qua ngày, khi ánh mắt khi nụ cười, khi đổi trao vài câu thăm hỏi, khi gởi tặng một bài phú, bài thơ…hai người đã hiểu được tình cảm của nhau. Thơ ca lúc bấy giờ không chỉ là thú ca ngâm suông mà đã là con chim xanh mang đến cho người yêu tất cả tình cảm trìu mến của mình.
Người quốc sắc, kẻ thiên tài
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e

Phạm Thái có hẳn một bài từ[27] nhan đề « *Gởi Quỳnh Hương* » để tỏ tình yêu của ông đối với Quỳnh Hương. Có lẽ đây là lá thư tình đầu tiên còn lưu lại trong văn học cổ:

Gởi Quỳnh Hương,

Từ lúc thiềm cung trộm dấu hương,
Dễ xui lòng khách mối sầu vương,
Gió thông réo rắt giong đàn oán,
Trăng hạnh chênh vênh rạng bóng dương.
Nếu đã tình duyên run rủi phận,
Thì xin ân ái vẹn trăm đường !
Phong lưu đôi lứa đà ai dễ,
Bụi tục chi cho bợn lóa gương.

Nếu duyên phận của đất trời đã sắp bày cho hai ta được gặp gỡ nhau, yêu thương nhau và quyến luyến nhau như thế này, thì xin nàng hãy cùng ta nên duyên chông vợ cho trọn vẹn niềm ân ái !
«Nếu đã tình duyên run rủi phận,
Thì xin ân ái vẹn trăm đường !»

Lời tỏ tình của Phạm Thái rõ ràng rành mạch đến như thế là cùng.
Trong một bài thơ khác, Phạm Thái viết :
Ai lên Tử các, Thanh vân
Hỏi thăm ả Tố chiều xuân thế nào.
Chiều Xuân một khúc gởi trao
Cậy lòng dì gió đưa vào xuân cung.

dần dà, lời tỏ tình thân mật tình tứ hơn :
May thay một hội tương kỳ,
Đã bên tình phận lại bề phong lưu
Câu hảo cầu đợi người thục nữ
Năm mây phong đôi chữ đồng tâm

rồi thì nói thẳng:
Bây giờ mượn gió cung Đằng[28]
Vì duyên đưa mối Xích thằng[29] *lại đây.*

Đã nói rõ, nhưng Phạm Thái vẫn tỏ ra ngần ngại:
Rắp hẹn hò ngồi hoa đứng tuyết,
Lòng còn e khôn biết nói năng.

Yêu nàng nhưng chưa dám bày tỏ, lòng muốn gặp gỡ để tâm sự chuyện trò nhưng vẫn ngại ngùng sợ tiếng thị phi. Thơ đã giúp Phạm Thái nói được điều khó nói như trường hợp Kim Trọng dò ý Kiều:

Tiện đây xin một hai điều,
Đài gương soi thấu dấu bèo cho chăng?

Lần lửa qua tháng ngày quen biết, tình yêu của hai người ngày càng say đắm. Thơ của hai người gi ờ đây là những bức thư tình trao gởi cho nhau, có khi bày tỏ niềm thương nhớ, khi là nỗi mong ước. Người xướng kẻ họa, thật là tương đắc:
Nếu Phạm Thái lo phiền *ngày dài quá, như cả năm* không gặp khi trướng gấm phòng loan cứ đóng *im ỉm* không thấy bóng Quỳnh Như:
Im ỉm mấy phong gấm bức
Điểm một ngày dằng dặc nhường niên.

Thì Quỳnh Như cho rằng đó chỉ là sự im lặng đợi chờ:
Im ỉm màn sương đợi khách
Thênh thênh cửa nguyệt chờ ai
Giai nhân tài tử mấy lăm người
Trạnh tưởng tâm tình thêm rối.

Thấy Phạm Thái ngày càng say đắm với chữ tình mà bỏ quên lý tưởng của mình, trong bài thơ họa bài *"Đề tranh Tố Nữ"* của Phạm Thái, Trương Quỳnh Như đã rắn rỏi khuyên người tình đừng vì tình cảm mà quên nghĩa lớn:
Véo von bên liễu tiếng hoàng oanh
Khuyên khách đừng quên chí chiến tranh
Giữa lúc nước nhà đang hoạn nạn
Phải khi tráng sĩ vướng tơ tình.
Sông trôi đất Bắc in dòng đỏ
Núi đứng trời Nam nhuộm vẻ thanh.
Khúc khải hoàn ca rồi mạnh mẽ
Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh!
Khi đất nước thanh bình rồi, khi chí lớn đã thành tựu, lúc đó lo gì hạnh phúc của lứa đôi!
Phạm Thái và Trương Quỳnh Như đang có những tháng ngày hạnh phúc. Hạnh phúc đó hiện rõ qua lời thơ của Trương Quỳnh Như, khi nàng họa lại bài *"Ngày Xuân uống rượu"* của Phạm Thái.
Họa bài "Ngày Xuân Uống Rượu."
Rực rỡ trời Xuân ánh thái dương
Xuyên qua chén rượu nhuốm màu vàng
Hoa Xuân kín đáo thầm phong nhụy
Men rượu nồng nàn ngát tỏa hương
Má phấn say hương hây hây đỏ
Thơ tình thiếu rượu rối vấn vương
Tìm vần trong rượu, vần không thấy,
Chỉ thấy Xuân đầy vẻ diễm quang.

"Má phấn say hương hây hây đỏ." Quỳnh Như say hương rượu hay say hương tình, hay cả hai?
Tình yêu của Phạm Thái Trương Quỳnh Như không qua khỏi đôi mắt của gia đình. Thân phụ Quỳnh Như vì mến tài Phạm Thái có ý muốn gả con gái cho chàng, chỉ khuyên Thái về quê tìm người mai mối để tránh tiếng đàm tiếu của họ hàng và gia nhân. Phạm Thái nghe lời.
Được tin Phạm Thái sắp về quê, Quỳnh Như không khỏi buồn lo. Nàng đưa tiễn người yêu bằng một bài thơ gởi gắm biết bao nhiêu tình cảm và lòng mong đợi:
Tiễn ông Chiêu Lỳ về quê.
Sắt đá lòng này đã biết chăng?
Xe duyên nay mươn gió cung Đằng.
Vườn đào sực thấy oanh đưa tín,

Dặm liễu ai xui yến cách chừng.
Vàng ngọc nên chăng cùng một ước,
Nước non thề đã có đôi vầng.
Lời này dặn với tri âm nhẻ,
Chớ phụ cầm thư đợi dưới trăng.

Phạm Thái, Trương Quỳnh Như đã cùng nhau ước thề. Làm sao hai người có thể phụ lòng nhau được? Không ai trong hai người trái lời nguyền ước. Nhưng chẳng ngờ buổi chia tay lần này cũng là lần chia tay vĩnh viễn! Trời già không tạo ra niềm oan trái mà mối duyên tình của Phạm Thái và Trương Quỳnh Như cũng chẳng thành.

Trái với ý muốn của thân phụ Quỳnh Như, thân mẫu nàng không bằng lòng gả nàng cho Phạm Thái. Bà không yên lòng khi đứa con gái của bà lại trở thành vợ của một tay quốc phạm, đang ngày đêm trốn tránh quan quân của Triều đình, một thầy tu giả danh, một kẻ lông bông, tứ cố vô thân, không có nơi nương tựa. Làm sao bà có thể gả con gái yêu của bà, một cành vàng lá ngọc cho anh chàng mà tương lai đầy bất trắc như vậy? Với bà, bà không cần biết, Phạm Thái có hay không có tài hoa, giàu hay nghèo nghị lực, chí khí. Trước mắt bà, Phạm Thái là gã đàn ông say sưa, nghèo khó, vô dụng, chẳng có một nơi để náu thân. Vì thế bà ép duyên Quỳnh Như cho anh chàng Trịnh Nhị, con nhà phú hộ nổi tiếng là Thạch Sùng của Nam Định hồi bấy giờ.
Cũng như suy nghĩ và lo lắng của nhiều bà mẹ khác, bà tin rằng chỉ người đàn ông ấy mới đem lại hạnh phúc và yên ổn cho con gái bà.
Thế nhưng bà đã lầm! Bà không thể ngờ rằng đứa con gái mà bà dày công mang nặng đẻ đau, đã từng làu thuộc thi thư lễ nghĩa của thánh hiền lại là một *con ngựa chứng* trong vòng lễ giáo. Người con gái ấy đã chẳng chịu theo thói thường *"cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy"* mà trong tâm hồn nàng đã có sẵn một quan niệm mới về tình yêu và hôn nhân. *Tình yêu phải có tự do và hôn nhân không thể là điều cưỡng ép.*

Bị mẹ ép gả cho tên nhà giàu Trịnh Nhị, Quỳnh Như đau khổ lắm. Nàng đã có bao giờ tiếp xúc với anh nhà gíàu đó đâu? Nàng có quen biết, yêu thương chàng trai ấy đâu? Một tâm hồn mộng mơ thi phú như nàng về làm vợ người chồng xa lạ như thế làm sao có hạnh phúc? Lại nữa, vâng lời mẹ để lấy anh chàng này làm chồng thì mai sau nói năng thế nào với Phạm Thái? Lời thề lúc chia tay của hai người đang còn đó:
"Vàng ngọc nên chăng cùng một ước
Nước non thề đã có đôi vầng
Lời này dặn với tri âm nhẻ
Chớ phụ cầm thư đợi dưới trăng".

Không nghe lời dạy bảo của Mẹ, thì hóa ra nàng là đứa con bất hiếu, vâng lời mẹ thì phụ bạc người yêu. Tâm trạng của nàng lúc bấy giờ cũng tương tự như tâm trạng của Kiều trước việc Kiều phải bán mình chuộc cha:
Duyên hội ngộ, đức cù lao,
Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn?

Cả hai con đường đó, không có con đường nào cho nàng chọn lựa. Nàng chọn con đường thứ ba cho vẹn nghĩa đôi đường: chọn cái chết. Chỉ có chết mẹ mới hiểu được lòng nàng. Chỉ có chết nàng mới đáp đền được tình sâu nghĩa nặng của Phạm Thái.
Trương Quỳnh Như chọn con đường quyên sinh!
Hỡi ơi, một tiếng thơ mai,
Nợ hồng trần để lụy người hồng nhan!

Từ khách tình si đến chàng cuồng sĩ:

Khi Phạm Thái trở lại Thanh Nê thì Trương Quỳnh Như đã chết. Ông đau xót vô ngần. Tiếc thương người yêu, xót xa cho số mạng của nàng, Phạm Thái khóc than Quỳnh Như thảm thiết:
"Kể từ ngày tha hương gặp gỡ,
Chữ chung tình để nợ cho nhau,
Ái ân mấy nỗi xưa, sau,
Lời vàng đá ấy dễ hầu đơn sai.
Túi tơ hồng trách ai xe mối
Đến nửa chừng bỗng nới tơ ra,
Căm gan một ả Trăng già,
Trêu nhau chi mãi chẳng tha thế này!"

rồi ông ta chua xót tự hỏi*:*
"Ấy vì mình hồng nhan bạc phận?
Hay vì ta gặp phận đa gian?
Cho nên lắm lúc nhỡ nhàng,
Dẫu sao thời vậy đã cam một bề."

Trước mộ nàng, Phạm Thái còn đọc một bài "khốc văn" thống thiết:
"Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác ấy bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nụ, thu lẫn trăng rằm!
Lại có điều đau đớn thế nhỉ! Nhà huyên ví có năm có bảy, mà riêng nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội nước vơi còn có lẽ. Thương hại thay, hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vầng, mây có một đóa. Thân là thân hiếm hoi chừng ấy, nỡ nào lấy đôi mươi năm làm một kiếp mà nghim nghỉm chốn non Bồng nước Nhược, chút gì không đoái đến cõi phù sinh!
Ví dù mà tiên thù với tục, sao xưa kia vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện một thân cho vẹn kiếp, thì ba vạn sáu ngàn ngày sống cho đủ lệ: nọ xuân huyên, kìa phu tử, góp với trần gian không chút hận, rồi sẽ rong chơi chín suối, cớ sao ri6ng bỗng vội vàng chi?
Ôi! chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sã, những như thân gia ấy, tình cảnh ấy,ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, tuy chẳng thân kia thích nọ, nhưng tình duyên chừng ấy, cũng là một chút cương thường: dẫu rằng kẻ đấy người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự.
Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi thời cho nấn ná nhân duyên. Mình long đong thân gái liễu bồ, vì giận phận hóa ngang tàng tính mệnh.
Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm, chua xót cũng vì đâu? Não nuột cũng vì đâu? Nay qua nấm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sụt sùi hai hàng tình lệ, giải bày một bức khốc văn, đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử."

Rồi cũng từ ngày đó, Phạm Thái lặng lẽ ra đi, nay đây mai đó, dạo chơi khắp danh lam thắng cảnh, gởi lòng cho nước biếc non xanh *"khi dãi gió dầu sương,trãi tấm gan vàng cùng non bạc, khi câu thơ chén rượu, dành bầu máu nóng để tưởng nhớ người xưa![32]"* Hay đâu, anh hùng tráng sĩ xưa nay không sợ gươm giáo nơi chốn kiếm cung, lại phải mềm lòng trước người nhi nữ! Phạm Thái từ ngày gặp Quỳnh Như thì khí phách anh hùng đã vơi đi gần hết, tiếp theo cái chết của người tình, Thái chẳng còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện nước non. Ngày ngày ông tìm vui bên chén rượu, chán nản thế sự, sống cuộc đời vô định bi quan. Bên cạnh đó, thời thế cũng thay đổi, Nhà Tây Sơn cũng tàn lụi, Nhà Nguyễn Gia Long tiếp nối thống nhất từ Nam ra Bắc. Phong trào " cần vương" không còn nữa:
"Năm bảy năm nay cứ loạn ly"
Cũng thì duyên phận cũng thì thì,
Ba mươi tuổi lẻ là bao nả,
Năm sáu đời vua thấy chán ghê!
Một tập thơ dày ngâm sang sảng,

Vài nai rượu kếch ních tì tì,
Chết về tiên Bụt cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian sống mãi chi!"

Ông mất năm 1813 tại Thanh Hóa, khi vừa mới ba mươi bảy tuổi xuân.

CHỨNG TÍCH CỦA TÌNH YÊU LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC THẾ KỶ 18
Tự do trong tình yêu và hôn nhân:
Mối tình của Phạm Thái-Trương Quỳnh Như trước hết là một biểu hiện, một chứng tích của tự do trong tình yêu và hôn nhân.
Tình cảm tự nhiên và chân thật của hai người đến với nhau không hề chịu một sự sắp bày, hướng dẫn nào của bên ngoài, kể cả của mẹ cha. Những lời thơ tỏ tình của Trương Quỳnh Như mạnh dạn và tự nhiên đến độ táo bạo, ta có cảm tưởng như mới gần đâu đây, những năm ba mươi của đầu thế kỷ, thời kỳ của "Tố Tâm"…
Giai nhân tài tử mấy lăm người,
Trạnh tưởng tâm tình thêm rối.
hoặc:
Nhủ đông hoàng mặc lòng khu xử
Chớ đem xuân suồng sổ trần gian.
Hay táo bạo hơn:
Cậy ả Hằng vì ta xe mối,
Xe thì xe chớ nới tơ ra.
…
Cuộc tình của hai người là sự kết hợp tròn đầy và tự nguyện của hai tấm lòng tha thiết, chân thành tìm đến nhau, là sự chọn lựa của mỗi cá nhân cho tình cảm riêng tư của mình, không bị thúc đẩy hay hướng dẫn bởi gia đình hoặc các định chế xã hội.
Đó là một đóa hoa lạ đầy hương sắc đã nở ra trong vườn hoa của xã hội Việt Nam trong thời kỳ mà tư tưởng Khổng Mạnh là những kim chỉ nam của đời sống, khi mà các luân lý và đạo đức của xã hội từ chối và kết án sự phô bày tình cảm gái trai trong chiều hướng tự do luyến ái:
Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình…

Biết bao thế kỷ trước, luân lý Khổng Mạnh đã nhân danh cho trật tự xã hội và sự tiến hóa của đạo đức để đề cao sự tôn trọng lý trí và chối bỏ tình yêu của con người. Chúng ta có thể tìm thấy trong sách vở những mối tình, những cặp vợ chồng mà đến ngày cưới vẫn chưa hề biết mặt nhau! Tất cả là sự chọn lựa, sắp bày của cha mẹ.
Tình yêu trai gái, vợ chồng đã bị giản lược và đồng hóa với một ít nguyên tắc nghĩa ân: *"tam cương ngũ thường, tam tòng tứ đức*." Tính chất phức tạp, sinh động và tự do vốn là bản chất của tình yêu bị khắc nghiệt cấm đoán như những mầm móng của hỗn loạn và thái hóa. Xã hội lên án những tình cảm đó như những biểu hiện thiếu nết na, trăng gió, luông tuồng của người phụ nữ.
Trương Quỳnh Như đã có một cách sống và yêu ngược lại. Đó là một thái độ phủ nhận sự gò bó của các lề thói xã hội, cương quyết nói lên sự có mặt của nàng như một con người tự do.
Quan niệm sống và yêu của Phạm Thái Trương Quỳnh Như quá mới mẻ, táo bạo với xã hội đương thời, nếu chúng ta biết rằng hơn năm chục năm sau, chàng trai Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu đã phải thảng thốt can ngăn Kiều Nguyệt Nga, không cho nàng xuống kiệu cảm ơn mình, chỉ vì lẽ *"nam nữ thọ thọ bất thân"* của lễ giáo Khổng Mạnh:
Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai.
Tiểu thơ con gái nhà ai,
Đi đâu nên nỗi mang tai bất kỳ?

Chẳng hay tên họ là chi,
Khuê môn phận gái việc gì đến đây?

Quan niệm tự do trong yêu đương và hôn nhân đó sớm hơn cả thế kỷ nếu chúng ta đem so với những chủ trương của nhóm "Tự Lực Văn Đoàn" vào đầu thế kỷ 20.
Trương Quỳnh Như bị ép gả cho anh chàng Trịnh Nhị nào đó, cũng tương tự như Loan bị mẹ ép gả cho Thân. Dầu không có tài liệu gì kể lại những đôi co giữa nàng với mẹ, nhưng chắc cũng tương tự như những gì Loan đã trình bày với bà Giáo, mẹ của cô ta, khi yêu cầu cha mẹ cho cô ta được tự do trong vấn đề hôn nhân:
"Vâng, thì xin mẹ để tùy con, và nhân thể mẹ để tùy ý con định có nên lấy chồng hay không nên lấy chồng. Con đã nhiều lần thưa với mẹ rằng, con không thể."

Trước sự ngạc nhiên và giận dữ của mẹ, Loan cũng nhất định:
"Không, con không cho đó là chuyện chơi. Con cho là một chuyện quan hệ trong đời con, mà chỉ quan hệ đối với đời con thôi…"[33]

Trương Quỳnh Như chắc đã không nói với mẹ những lời lẽ "sỗ sàng" như vậy, nhưng những gì nàng nghĩ, nàng chịu đựng cũng không khác với Loan.
Trên một phương diện nào đó, Trương Quỳnh Như của thế kỷ 18 đã hơn hẳn Loan. Trương Quỳnh Như đã không cúi đầu nghe theo sự ép buộc của mẹ lấy người mình không hề yêu thương như Loan sẽ chấp nhận. Cuộc tình miễn cưỡng, gò ép đó không mang đến cho nàng hạnh phúc mà ngược lại chỉ là những giả dối, đớn hèn và coi thường nhau.
"Môi nàng hé mở, tỏ vẻ chán nản ghê tởm. Ghê tởm cho cái đời làm vợ giả dối của nàng, ghê tởm cho những đêm ái ân miễn cưỡng. Nàng không cần biết đến ái tình và không có quyền biết đến ái tình. Bổn phận của nàng là cái máy đẻ, thì nàng phải coi nàng như cái máy đẻ.[34]

Trong xã hội cũ, hôn nhân của con cái là vai trò của cha mẹ. Cha mẹ có bổn phận tìm kiếm và dạm hỏi người vợ hay chồng của con cái mình, sao cho tương xứng "môn đăng hộ đối" với gia đình mình. "*Cha mẹ đặt đâu thì con ngồi đó".* Cha mẹ định đoạt tất cả và không cần biết con mình có chấp nhận hay không, nói gì đến chuyện thương yêu nhau, tìm hiểu nhau cho tâm đầu ý hợp! Sự chọn lựa của cha mẹ nhiều khi lại nhắm vào quyền lợi hơn là tình cảm. Bà Giáo chọn Thân cho con gái mình, vì bà muốn trừ món nợ mà bà đang mắc bên gia đình Thân. Bà Án *(trong Nửa Chừng Xuân-Khái Hưng)* chọn con gái cụ Tuần phủ cho Lộc, con trai của bà cũng bởi lẽ đó:
"*Quan Tuần còn trẻ, bước đường hoạn lộ còn dài. Sau này con tôi tất nương tựa vào bố vợ mới mong thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại tôi để nó kết hôn với cô thì không những nó mất chỗ nương tựa mà nó cũng mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch."*[35]

Nhất Linh, Khái Hưng và nhiều nhà văn nhà thơ khác đã dày công cổ xúy cho tự do của tình yêu và hôn nhân. Hơn trăm năm về trước, Phạm Thái và Trương Quỳnh Như đã dấn thân vào cuộc sống và tranh đấu cho tình cảm của mình bằng chính hành động dẫn đến cái chết bi thảm của Quỳnh Như. Quỳnh Như đã mạnh dạn chối bỏ hôn nhân định sẵn, hẹp hòi, vô lý do mẹ ép đặt để tìm tới một ình yêu đích thực. Nhưng Quỳnh Như vẫn không thể vượt qua rào cản của "tam tòng, tứ đức". Trương Quỳnh Như chỉ còn một con đường chọn lựa, chọn lựa cái chết!
Tìm lấy cái chết là một thái độ tự do thứ hai của Quỳnh Như trong cuộc dấn thân trọn vẹn cho Tình yêu. Giá trị cao đẹp và bi thảm của tình yêu đã lên đến đỉnh điểm qua cái chết này.
Cái chết của Quỳnh Như đã đưa nàng thuộc về Phạm thái một cách trọn vẹn, một gắn kết bất khả phân, vĩnh cữu và tuyệt đối.
"Tình yêu và sự chết vốn có một liên hệ thầm kín và mầu nhiệm" như nhà thơ Léopardi đã ca ngợi: "*L´ amour et la mort sont frères*".[36]

Cái chết của Nastassia (*trong L´Idiot*), của Alisa (*trong Khung cửa hẹp)*, của Roméo và Juliette hay gần đây hơn nữa, cái chết của cha Hà Vĩnh Duy (trong *Tóc mây của lệ Hằng)…* đã đưa họ thuộc về người yêu của họ một cách hoàn toàn và những mối tình đó trở thành bất tử.
Nastassia hoàn toàn thuộc về Rogédine cũng như Alissa là của Jérôme. Roméo và Juliette là cập nhân tình bất tử và Hà Vĩnh Duy là khuôn mặt đời đời của Tố Kim:
"Tôi biết rồi, từ nay chàng mới thuộc về tôi, hoàn toàn thuộc về tôi. Không một luật lệ nào, uy quyền nào dành nổi chàng của tôi nữa."[37]
Tìm lấy cái chết là một chọn lựa giữa bao điều phải chọn lựa. Chết là một chọn lựa tự do, dẫu đó là một chọn lựa bi thảm. Đó là lúc định mệnh dính chặc vào cuộc đời người tài hoa và cũng là lúc tuyệt vọng cùng tự do vào chung một vực thẳm.

Dẫu rằng nếu tình duyên của Quỳnh Như và Phạm Thái được trọn vẹn, thì có gì là bền chắc và vĩnh cữu của tình yêu trước cuộc đời đầy sóng gió và bất trắc. Tình yêu tự nó quá mong manh trước những tàn nhẫn và bất ngờ của cuộc đời.
Thế cho nên cái chết của Quỳnh Như dẫu là một bi thảm nhưng chính nó đã tạo nên những khả ái của mối tình lãng mạn này. Sự dang dở nhiều khi cũng là nét duyên dáng của tình yêu. Có lẽ vì thế mà nhà thơ Hồ Dếnh đã từng ca ngợi:
"Tình mất vui khi đã vẹn câu thề,
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.
Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ,
Cho nghìn sau lơ lửng với nghìn xưa"[38]

Chứng tích của văn học lãng mạn:
Theo Đào Duy Anh thì "Lãng là sóng đánh tràn; Mạn là nước chảy tràn bờ. *Trong tình cảm thì lãng mạn là không có gì bị kiềm chế, ràng buộc. Trên mặt văn học, lãng mạn là khuynh hướng văn nghệ xuất phát từ Âu châu vào thế kỷ 19, trái với cổ điển chủ nghĩa."*[39].

Từ lúc mộng "cần vương" bị thất bại, Phạm Thái tưởng rằng có thể tìm thấy niềm an ủi bên người tình trong mộng Trương Quỳnh Như. Nào ngờ cuộc tình bế tắc, người yêu phải chết bi thảm.
"Tất cả những chi tiết ấy làm cho thân thế chàng trai họ Phạm có cái duyên dáng của một nhân vật tiểu thuyết. Cuộc đời của Phạm thái có thể chỉ tóm tắt trong hai chữ thất bại: việc lớn thất bại đã đành mà việc tình duyên riêng tư cũng thất bại nốt." Đó là ý kiến của nhiều nhà phê bình văn học. Nhưng cũng chính những trái ngang trắc trở đó mà Phạm Thái trở thành nhân vật của tiểu thuyết và mối tình cũng như thơ văn của hai người đậm đà tính lãng mạn. Điểm đặc biệt là thời gian Phạm Thái-Trương Quỳnh Như đã sống, đã yêu, đã viết cho tình yêu bất chấp những lề thói, khuôn thước của xã hội đó (1777-1813) nó có sự trùng hợp tình cờ với thời gian và vị trí của Chateaubriand[40] trong văn chương Pháp. Đó là vai trò nhà thơ mở đầu cho nền văn học lãng mạn ở Việt nam.

Tìm hiểu qua cuộc đời cũng như thi ca của họ, ta có cảm tưởng là những nhân vật trong tiểu thuyết của đầu thế kỷ 20, thời kỳ của *Tuyết Hồng Lệ Sử*, của *Tố Tâm, Giọt Lệ Thu*…khi phong trào văn chương lãng mạn bắt đầu tràn vào nước ta.
Trái lại những con người đó, mối tình đó và những tư tưởng yêu đương lãng mạn đó đã có mặt trên đất nước ta từ hơn trăm năm trước.
Phạm Thế Ngũ trong "*Văn Học Giản Ước Tân Biên*" cũng đã nhận xét: *"Phạm Thái ở trong địa hạt hành động không làm nên trò trống gì, nhưng dưới con mắt của nhà văn học, hình ảnh của ông thật quyến rũ. Người trai thời loạn ấy đã đeo gươm tráng sĩ, đã khóac áo thiền sư lại đóng vai tình lang nồng nhiệt để rồi đang tuổi thanh xuân kéo lê cuộc đời như một cùm xích. Con người ấy cũng đã hội hợp được tất cả những gì gọi là lãng mạn trong quan niệm của chúng ta ngày nay"*[41]
Phạm Thái đã sống một khuôn mặt đa diện và đã yêu cuồng nhiệt say sưa. Trương Quỳnh Như cũng đã rất tự nhiên mạnh dạn trong tình yêu và cuộc sống. Tất cả tình cảm và ước vọng của họ

gởi gắm lên trang thơ một cách trọn vẹn. Mối tình của họ là những đóa hoa nở sớm trước mùa của văn học. Nếu tình cảm và thơ văn của họ đã không được tiếp nối và phát triển thành phong trào như vai trò của Chateaubriand ở Tây phương thì cũng là những chứng tích sống động và quý giá của thi ca lãng mạn trong thời kỳ văn học Việt Nam của thế kỷ 18 này.

Huế, thượng tuần tháng tư 1973.

Tài liệu tham khảo:

Sách:
1. Sở Cuồng Lê Dư: Phổ Chiêu Thiền Sư Thi văn Tập. Hànội, Nam ký thư quán, 1932.
2. Hoàng Xuân: Chiêu Lỳ Phạm Thái Thi tập. Sài gòn, Anh Phương ,1959.
3. Hoàng Xuân Hãn: La Sơn Phu Tử. Hà nội, Minh Tân, 1952.
4. Đào Duy Anh: Hán Việt Từ Điển. Sàigòn, 1957.
5.. Dương Quảng Hàm: Việt Nam Văn Học Sử Yếu. Sàigòn, Bộ Giáo dục, 1968.
6. Phạm Thế Ngũ:Việt Nam Văn Học Sử giản ước tân biên. Sàigòn, Quốc học tt. 1969.
7. Lãng Nhân: Giai Thoại Làng Nho. Sàigòn, Nam Chi tùng thư, 1966.
8. Nguyễn Du: Truyện Thúy Kiều. Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu đính và chú giải.
9. Khái Hưng: Nửa Chừng Xuân. Sàigòn, Văn Nghệ, 1970.
10. Nhất Linh: Đoạn Tuyệt. Sàigòn, Đời Nay, 1972.
11. Lệ Hằng : Tóc mây. Sài gòn, Tổ hợp gió, 1972.

Tạp chí:

1. Nguyễn Văn Xung: Phạm Thái, một bộ diện đặc biệt trong văn học cuối Lê đầu Nguyễn. Tạp chí Văn, Sàigòn. tháng 12.1970.
2.Bùi Lương: Sơ Kính Tân Trang. Văn Hóa Nguyệt san bộ mới số 7,8,9,10 (tháng 12/1955 đến tháng 4 1956). Sàigòn, Bộ Giáo Dục xuất bản.
3. Trần Đức Rật: Phạm Thái và Sơ Kính Tân Trang. Văn Khoa, 1973.
4. Phạm Kiều Tùng: Những ý nghĩ về tình yêu. Sài gòn.Tạp chí Nghệ Thuật, 12.1966.

[1] Phạm Thế Ngũ.“Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên“.Sg, Quốc học Tùng Thư,1969.
[2] Sở Cuồng Lê Dư: „Phổ Chiêu Thiền Sư thi tập“.Hà Nội.Nam ký thư quán,1932
[3] Nguyễn Văn Xung; “ Phạm Thái, một bộ diện đặc biệt..“ Văn số 167. Saigòn.1970, trg.3
[4] Chưa tìm được tên thật .
[5] SKTT. c302-305
[6] SKTT c 354-361
[7] Sơ: cái lược; Kính: cái gương.
[8] SKTT c 59-62
[9]Xương góc tả và góc hữu phần trán là Nhật giác và Nguyệt giác, biểu hiện người thông minh, tài ba. LêDư.(sđd)
[10] Lê Dư (sđd): Phía trên sống mũi là Phúc Ấn đường. Chỗ ấy nhọn và thấp là gặp không hay về đường chồng con.
[11] SKTT. 414-421
[12] Nguyễn Du: Truyện Thúy Kiều. Bùi Kỷ và Trần trọng Kim chú giải. Sàigòn, Tân Việt,1968.
[13] SKTT. 399-410.
[14] Núi Dục Thúy tức là núi Non Nước ở Ninh Bình. Vào đời Trần, Trương Hán Siêu có thơ đề khắc vào đá và gọi núi Dục Thúy.
[15] Cửa Thần Phù ở Thanh Hóa, sóng lớn rất nguy hiểm Ca dao có câu: Lênh đênh qua cửa Thần Phù Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.
[16]Theo Lãng Nhân; Giai thoại Làng Nho, Nam Chi Tùng Thư 1966 thì Trần Danh Án đỗ Hoàng

Giáp năm1787. khi tây Sơn ra bắc, ông theo lệnh vua Chiêu Thống sang cầu viện quân Thanh. Quân Tôn Sĩ Nghị thua, ông chạy theo vua Lê không kịp, bị bắt giam ở Thăng Long. Vua Quang Trung biết ông là người hiền, mời ra giúp nước. Ông khăng khăng từ chối.
[17] Theo Phạm Thế Ngũ, Lê Quýnh (1750-1805) năm 1789 phò tá vua Lê sang Tàu. Ở đó ông bị giam cầm suốt 13 năm. Năm 1804, nhà Thanh cho đem hài cốt vua Lê về nước, ông mới về.
[18] Hoàng Quang người Thừa Thiên, có tài văn chương. Nguyễn Huệ mời ông ra làm quan, nhưng ông nhất quyết từ chối.
[19], Hoàng Xuân Hãn: La Sơn Phu Tử , Hà Nội, Minh Tân, 1952. trg 136
[20] Hoàng Xuân Hãn.Sđd.
[21] Hoàng Xuân Hãn: S đd.
[22] Nguyễn Hữu Lượng.
[23] Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.
[24] Phạm Thế Ngũ. Sđd.trg 248
[25] Theo Lê Dư, Sđd. thì Thụ bị đầu độc lúc Thái đã về quê. Theo Lãng Nhân, thì Thụ mất lúc Thái còn ở Lạng Sơn.
[26] Nguyễn Du. Truyện Thúy Kiều.
[27] Phạm Thế Ngũ. Sđd. Từ là thể thơ với những câu dài ngắn không đều nhau,có từ đời Đường. Từ có nhiều điệu khác nhau như Mộng Giang nam, Tây Giang nguyệt…trg.254.
[28] Cung Đằng: Đằng vương các.
[29] Xích thằng: sợi dây đỏ, chỉ sợi tơ hồng của ông Tơ, bà Nguyệt buộc nam nữ nên duyên.
[30] SKTT. Bài „Triệu Linh“. Trg.
[31] Sở Cuồng Lê Dư. Sđd, trg 4 và Lãng Nhân: Giai thoại làng Nho, trg202.
[32] Phổ Chiêu TSTVT. Trg.4
[33] Nhất Linh: Đoạn Tuyệt. Sàigòn, Đời nay,1972, trg 30.
[34] Nhất Linh. Sđd, trg 31.
[35] Khái Hưng. Nửa Chừng Xuân. Sàigòn, Văn Nghệ, trg151.
[36] Phạm Kiều Tùng.“Vài ý nghĩ về Tình yêu“ Sàigòn. Tạp chí Nghệ thuật số 17(5.12.66) trg.6.
[37] Lệ Hằng: Tóc Mây. Sài gòn, Tổ hợp Gió,1972. trg.287.
[38] Thơ Hồ Dếnh : Ngập ngừng (trích lại từ Việt nam thi nhân tiền chiến của Nguyễn Tấn Long.Sàgòn, Sống mới,1968.trg.590)
[39] Đào Duy Anh: Tự điển Hán Việt. Sàigòn, 1957.
[40] Chateäubriand:(1768-1848): Nhà văn Pháp, sau chuyến đi Mỹ trở về, mẹ và em chết, ông cảm xúc viết cuốn “ Le ge´nie du Christianisme“(1802).
[41] Phạm Thế Ngũ: Sđd, trg 254.

Tiêu Sơn tráng sĩ

Khái Hưng

(xem toàn bộ *Tiêu Sơn tráng sĩ* ở “Tác giả & Tác phẩm Phạm Thái II” – trang 31)

Người khách lạ

(Hồi 1)

Tuy mới vào khoảng đầu giờ Dậu, nhưng về tiết mùa đông, trời đã nhá nhem tối Các nhà, các hàng xén ở phố Từ Sơn đều đóng cửa. Chỉ trừ một hàng cơm là có ánh sáng. Và luôn luôn ở trong đưa ra tiếng cười nói ầm ỹ.

Một trang thiếu niên ky sĩ, từ phía Nam tới, kìm ghì cương ngựa trước cửa hàng. Chàng y phục nai nịt gọn gàng, đầu đội nón lông đen, chân đi hia chẽn, cổ quấn một cái khăn lụa trắng thắt lỏng, mối bỏ rủ sau lưng. Con ngựa của chàng sắc

nâu xẫm, và tuy nhỏ thon, nhưng có dáng mạnh mẽ và khỏe dai. Trời lạnh buốt căm căm mà mình nó ướt đẫm mồ hôi, xem đó đủ đoán biết chủ nó đi từ xa lại. Thế mà mũi nó hục hặc thở ra hai luồng hơi khói, bốn gió nó cuốc xuống đất như gõ nhịp, để tỏ ý muốn là còn thừa sức chạy một thôi dài nữa. Ky sĩ lấy tay vỗ khẽ vào cổ ngựa nói:
- Hãy thong thả, tuấn mã, đi đâu mà vội thế? Thầy trò ta nghỉ chân ăn lót dạ

Chàng vừa toan xuống ngựa, thì mắt chàng ngẫu nhiên để tới một cái bảng gỗ vuông quét vôi trắng, trên viết những chữ nôm thật to, to đến nỗi trời đã gần tối hẳn mà chàng còn lỗ mỗ đọc được...
Nhưng giữa lúc đó, sau một tiếng hét của con ngựa thì tiếng ồn ào cười nói trong hàng cơm im bặt. Rồi cánh cửa hé mở, một người thò đầu ra hỏi:
- Ai?

Không trả lời, thanh nhiên võ sĩ nhanh nhẹn nhảy ngoắt xuống đất, kéo và vuốt áo cho hết nếp răn vì lúc ngồi trên yên, chàng đã giắt vạt cả vào trong chiếc giây lưng điều. Đoạn, thong thả, dõng dạc, chàng bảo người vừa hỏi:
- Chú còn đợi đến bao giờ mới ra giắt ngựa của ta vào tàu?
ý chừng cho là lời nói đó hỗn xược, người kia mở mạnh cánh cửa bước ra đường đứng phưỡn ngực chống tay vào sườn, gật gù hỏi lại:
- Anh có biết tôi là ai không mà dám nói xách mé như thế?
Người khách mới đến mỉm nụ cười khinh bỉ thản nhiên đáp:
- à, ra tôi lầm? ý chừng chú không phải là chủ quán hay người nhà hàng cơm.
Rồi, sau khi đã buộc giây cương vào đầu một cái kèo ở mái hiên, chàng đi thẳng vào trong hàng, lớn tiếng gọi:
- Chủ quán?

Nghe tiếng chàng sang sảng, ngắm thân thể chàng cao lớn, mạnh mẽ, nhất lại nghe lách cách cái vỏ kiếm chàng đeo bên sườn đập vào ngưỡng cửa, người chủ hàng cơm hốt hoảng chạy ra khúm núm chào và lễ phép hỏi:
- Bẩm quan lớn truyền . . . ?
- Sắp rượn làm một con gà nhắm. Đoạn ra giắt ngựa vào tầu cho nó ăn thóc.
- Dạ.

Bốn người ngồi quây quần đánh tam cúc ở một cái phản bên dương mắt ngạc nhiên, yên lặng nhìn. Người ở ngoài đường quay vào nói to bảo bọn họ, có lẽ cốt để võ sĩ vừa tới nghe rõ :
- Lệnh trên ban xuống cho anh em mình canh phòng ở đây, các chú phải cẩn mật, nếu vô ý để phạm nhân trốn thoát thì đầu anh em mình chẳng còn đâu!
Dứt lời, bác cai - vì bọn đó là một viên cai và bốn tên lính - trèo lên ngồi chễm chệ trên một cái phản cao kê liền bên.
Người trẻ tuổi mới đến tò mò đưa mắt quanh phòng rồi mỉm cười hỏi bọn lính:
- Này các chú, có xảy ra việc gì mà việc canh phòng cẩn mật thế?
Một người lính trỏ lên cái bảng cũng giống cái bảng treo ở ngoài cửa mà nói răng:
- Đọc đó sẽ hiểu.

Trong khi người khách lạ đứng lên cái ghế đẩu vuông để xem bảng, thì viên cai và mấy chú lính nháy nhau thì thầm:
- Khả nghi?
- Đề phòng?

- Tôi hỏi tín bài hắn nhé?
- Hãy thong thả. Nhưng phải luôn luôn để ý đến hắn. Mà khí giới để đâu cả?
- Để cả dưới gầm phản.
- Đeo dao ngay vào thắt lưng. Còn mã tấu, đoản kích thì của người nào, người ấy đặt ngay bên mìn để phòng biến. Mà se sẽ chứ chẳng hắn biết. Nghe chừng hắn ta cũng không phải tay vừa đâu.
Người trẻ tuổi vẫn đứng trên ghế lẩm nhẩm đọc:

"Quan trấn thủ trấn Kinh Bắc Nguyễn Mỗ có lời yết thị như sau này:
"Từ khi đức Thái tổ Võ Hoàng đế đánh đuổi quân Tôn SĩNghị chạy như đàn chuột về Tàu, và trừ tiệt giặc giã quấy nhiễu trong nước, thì trăm họ đều đươc an cư lạc nghiệp. Nhưng gần đây một tên ngông cuồng dấy loạn để làm rối cuộc thái bình, nhân dân đầu ghét, đều oán coi như kẻ thù chung. Tên ấy là Nguyễn Đoàn người hạt Từ Sơn. Than ôi! Lưới trời tránh sao cho thoát, nhờ oai hoàng đế, bản chức đã bắt sống đươc tên phản quốc và đã hành hình nó rồi. Song dư đảng bọn giặc còn luẩn quẩn vùng này, mà trong bọn có một tên rất nguy hiể ưm ấy là tên Phạm Thái tức Phạm Phụng con tên nghịch tặc Thạch Trung Hầu, quán thôn Yên thi xã Yên Thượng, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn.

"Phạm Thái vào trạc hai mươi tuổi, người vừa tầm, nhưng rất khỏe, rất giỏi võ Dưới đây có phác bức hình, hoạ theo những lời trình bày của các thám tử. . . ai bắt sống đươc Phạm Thái sẽ thưởng tiền một nghìn quan. Ai giết chết hắn sẽ thưởng tiền năm trăm quan.
"Nhận đươc giấy yết thị nầy, các viên phân tri phải dán ở các ngã ba cùng cá tửu quán có đông người lai vãng. Lại cho lính ngày đêm canh phóng ở các nơi mà quân gian có thể tụ họp đươc.
"Niên hiệu Cảnh Thịnh, Năm thứ năm, tháng chạp, . ngày mồng ba ".

Ở một góc bảng, có vẽ rất sơ sài diện mạo một người đàn ông và chua mấy hàng chữ sau này:
"Mặt trái soan, miệng rộng, mắt hơi xếch lông mi rậm, tai to, có một nốt ruồi ở sau tai bên phải "

(…)

Trên đường thiên lý

Hai năm sau.
Một hôm trời đông đã về chiều. Trên con đường thiên lý, một thiếu niên tráng sĩ buông lỏng cương thong thả cho ngựa đi về phía Nam.
Vẻ mặt chàng buồn rầu, chán nản. Y phục chàng đầy bụi và bùn.
Đến phố phủ Lý Nhận, chàng dừng ngựa trước cửa một tửu quán, vào đó nghỉ trọ một đêm để mai đi Nam Thành sớm.
Chàng đương ngồi nhắm rượu, đăm đăm suy nghĩ đến những sự biến cố của một đời vô định thì ở ngoài đường có tiếng ngựa hí.

(…)

Đêm đã khuya, hai người còn thì thầm nói chuyện. Nhị nương thuật với Quang Ngọc công việc điều tra của nàng về tung tích Phạm Thái: nào chàng mê man say đắm Quỳnh Như, náo Quỳnh Như tự vận vì chàng. Quang Ngọc lộ vẽ căm tức trên nét mặt. Chàng hỏi:

- Vậy bây giờ Phạm Thái ở đâu?
- Thưa hiền huynh, hai năm nay hắn đi biệt tích, chỉ lẻn về Thanh Nê có hai lần: một lần đọc bài khốc vãn, một lần để nghêu ngao hát bài triệu linh bên mồ người mệnh bạc.
Quang Ngọc cười chua chát:
- Không ngờ Phạm Thái mà trẻ con được đến thế nhỉ!
- Vâng, Phạm Thái cũng trẻ con như văn thơ của hắn.
Nhị nương mở khăn gói lấy đưa cho Quang Ngọc một tập giấy và nói tiếp:
- Đây, tác phẩm của anh chàng mê gái: mà ngu hữu đã sưu tầm được, tuy hãy còn khiếm khuyết nhiều.
Quang Ngọc đọc sơ một lượt, rồi buồn rầu, giận dữ ném tập thơ xuống giường. Nhị nương thở dài, hỏi:
- Hiền hữu định sao?
Quang Ngọc hỏi lại:
- Định cái gì?
- Việc đảng.
Quang Ngọc ngồi yên lặng giờ lâu, ngẫm nghĩ:
- Vận chưa gặp! Khó lòng quá!
Rồi chàng báo cho Nhị nương biết rằng Trịnh Trực đã bị hành hình ở Kinh Bắc, Đình Phùng bị bắt giải về Phú Xuân. Tửu quán Bạch Phượng cũng đã đóng cửa, vì các bạn đồng chí tan tác cả, để nơi hội họp kia phỏng có ích gì!
- Còn Lê Báo?
- Lê Báo vẫn nương náu ở chùa Yên Tử trấn Hải Dương. Bây giờ hắn thành thực mộ đạo Phật như một nhà chân tu vậy.
- Thế chúng ta?
- Chúng ta chờ đợi dịp để hành động. Hành động là phận sự của chúng ta. Không hành động, thì đời chúng ta không còn có nghĩa gì nữa phải không hiền hữu?
Nhị nương mỉm cười:
- Thưa hiền hữu phải lắm.
Quang Ngọc như mê man nói luôn:
- Hành động! Hành động!
Nhị nương nhìn chàng, buông một tiếng thở dài não nuột.
Sáng hôm sau hai người từ biệt nhau: Nhị nương ngược Bắc thành, Quang Ngọc xuôi Nam thành hẹn một ngày kia sẽ hội ngộ.
Nhị nương kìm cương ngựa, hỏi với một câu:
- Nhỡ không hội ngộ?
- Cũng chẳng sao? Vì linh hồn chúng ta bao giờ cũng ở bên nhau. Một người trong bọn ta làm một việc trái với bổn phận, đã tưởng nghe rõ tiếng thống trách của bạn đã tưởng nhìn thấy cặp mắt nghiêm nghị của bạn. Mà khi ta có việc đáng thi hành ngay, ta đã tưởng trông thấy cái gật biểu đồng tình của bạn rồi. Vậy thì chúng ta có ở xa nhau đâu? Tình bằng hữu của chúng ta đã thành một sự thiêng liêng.
Nhị nương chắp tay vái.
- Vâng, tình bằng hữu của đôi ta!...
Rồi nàng rẽ cương quay đi.
Qua quãng đường gần một khuỷ sông Đáy, nàng văng vẳng nghe có ai hát nghêu ngao. Kìm cương ngựa nhìn kỹ, nàng thấy ngồi dưới gốc đê bên bờ sông, một anh chàng câu cá, đầu đội nón tre đan, vai khoác áo lá.
Cho ngựa thong thả bước tới gần, nàng dừng lại ngắm nghía: người câu cá đưa hồ rượn lên miệng một hơi rồi ngâm:
Sống ở dương gian đánh chén nhà,
Chết về âm phủ cấp kè kè,
Diêm vương phán hỏi rằng: chi đó?

Be!

Nhị nương đoán chắc là Phạm Thái, nhưng vẫn yên lặng ngồi trên mình ngựa để chờ xem anh chàng chán đời kia còn làm những trò gì nữa.
Thì Phạm Thái lại cất giọng ngâm:
Đưa lời cho tới cung mây,
Sau này xin gửi cho dây với cùng,
Túi thơ hồng trách ai se mối,
Đến nửa chừng bỗng mới dãn ra,
Căm thay một ả trăng già,
Trêu người chỉ mãi chẳng tha thế này.

Nhị nương giật cương ra roi phi thẳng.
Nghe tiếng động, người câu cá quay lại, cười lớn:
- Mời khách qua đường hãy dừng vó ngựa uống với ta một hớp rượu!Ha ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu.
Nghĩ một lát, chàng lại nói:
- Ha ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ nhân.

(Hết)

***

Phụ đính:

Phạm Thái chống Tây Sơn thất bại, yêu Quỳnh Như cũng thất bại. Sống mà bất đắc cả chí lẫn tình, thật "sống mãi chi"...

Thu Tứ giới thiệu

Không tên

Một tập thơ sầu ngâm sảng sảng
Vài nai rượu kếch ních tỳ tỳ
Chết về Tiên Bụt cho xong kiếp
Đù ỏa trần gian! sống mãi chi

***

Thơ Yết hậu

Phạm Thái cũng làm nhiều bài thơ ngắn theo thể loại "Yết hậu" mà câu cuối chỉ có một hoặc hai chữ rất độc đáo, như hai bài dưới đây:

Anh nghiện rượu

Sống ở dương gian đánh chén nhè
Thác về âm phủ cắp kè kè
Diêm vương phán hỏi mang gì đó
- Be

Cha con phá nhà, mẹ can

Trông lên nhà đổ loạn
Trông xuống vách tan rồi
Cha thế ấy, con thế ấy
- Thôi

Cha con rượu chè cờ bạc

Ác lặn, xăm xăm tới
Gà kêu, lẻn lẻn về
Quan ngắn hết, quan dài hết
Ghê!...

Một năm mười hai tháng
Một tháng ba mươi ngày
Hũ lớn cạn, hũ bé cạn
Say!...

Trông lên nhà đổ đoạn
Trông xuống vách tan rồi
Cha thế ấy, con thế ấy
Thôi!...

***

Chiến "Tụng Tây Hồ phú"

Ngán nhẽ tụng Tây hồ;
Ngán nhẽ tụng Tây hồ!
Vốn trước đã lở hầm toang hoác vũng;
Có lẽ đâu mọc đá nhấp nhô gò?
Người rằng nơi Long tử khoét làm vũng, bởi được bùa quái chú Huyền trao, vậy cáo trắng hách hơi vào đại trạch,
Kẻ bảo ấy Cao vương đào chặn mạch, vì mảng tiếng chuông thầy Khổng nện, nên trâu vàng theo dấu đến trung đô.
Bốn mặt chứa châu cung, kim điện;
Một doành thâu băng chử, ngọc hồ.
Bãi Dâm Đàm gió thét trận Trưng Vương, khi chướng vụ khua ran đầu lính ngất;
Gò Lãng Bạc tuyết tan đồn Bắc tướng, đàn lộ âu tắm lẩn bóng trăng nhò.
Có thu nguyệt mới nước trời in sắc;
Chửa xuân thiên sao hoa cỏ theo mùa?
Cát xô lên mỏ phượng lù sù, hình thu nữ thẹn lên lầu nguyệt kính;

Nước chảy xuống hàm rồng róc rách, dáng xâu lang rót lại chén đồ tô.
Toà thạch tháp đã tan bình xá lị;
Đống thổ đôi đà nát dấu linh phù.
Lưới Mục lang âu nát mất cả giềng, gian chẳng bắt, nữa hoài công bắt hổ;
Gươm Trấn Võ chỉ còn trơ những sống, giặc không giam mà cố sức giam rùa.
Thiên niên nếu được lâu, sao quán nát;
Vạn bảo nào có báu, để ghềnh nhô.
Ngắm tăng ni thơ thẩn khổ tu hành, anh xe vóc, chị mũ vàng, đảnh đảnh thế, ở làm trò Phạm Vũ;
Xem đồng quan dở dang chiều lý thú, đứa dải đào, thằng khăn thắm, láo lức thay, chạy đến quấy Nghi Vu.
Ông Đá dãi dầu hình tượng miếu;
Bà Đanh vắng ngắt tiếng chuông chùa.
Nhà tranh đua đều khấn bụt cầu ma, đường Quan thánh khéo lăng nhăng lít nhít;
Chợ xao xác những buôn hùm bán quỷ, mái Trương Lương nghe lếu láo y o.
Khói lò gạch thổi lưng trời ngùn ngụt;
Sóng cánh hàn xô sườn đá ồ ồ.
Bãi Đuôi nheo tanh ngắt giống tinh chiên, nước trong hồn vẻ nguyệt chẳng còn ưa, thuyền du tử lái chạy ra cho chóng;
Hồ cổ ngựa thối hoăng mùi đại tiểu, hoa thơm giận chiều xuân sao nỡ phụ, lều cư nhân tranh nát đã như vò.
Yên công tử ắt đà long cổ nối;
Mộc vũ thần âu hẳn gẫy ta co.
Thoi oanh dầu dệt liễu nên tơ, cửa nam khó xỏ kim thêu túi;
Đèn đóm dẫu soi sen thấy lửa, quân Tây khôn hút điếu hun lò.
Quyên oán hạ thiên đà khắc khoải;
Ve hờn nam địa mới rì rù.
Chùa Châu long hương cúng khét mù, nghe mõ cá đã rúc vang cầu Trúc;
Hồ Bạch mã sen bay mất cả, làm giấy hoa đem bán dải sông Tô.
Ngắm cảnh trí cũng mảng vui mấy thú;
Xem phong quang nào có vẻ một khu.
Cái cô đình cho gió lọt hoa kề, lơ thơ cảnh đượm màu sương, đường tạo hoá đã in chân thuý bích;
Con tiểu đĩnh đã mây che nước chở, lóng lánh sóng in sắc nguyệt, ngỡ khuôn trời còn đúc bạc đào châu.
Góp cảnh vật đủ tháng ngày cũng hó;
Lấy cỏ hoa làm bầu bạn mà no.
Cành dưới trên sương hãy nhuộm màu xanh, ca ngư tử đã xua tan vầng ngọc thỏ;
Cây ngang dọc tuyết vừa đông bãi bạc, địch mục nhi đã thổi sáng bóng kim ô.
Truyện Tần Hán kẻ kia cười lả lướt;
Giấc Hi Hoàng người nọ ngáy phi pho.
Cuộc doanh thâu bàn bạc bắc nam chơi, khúc lưu thuỷ gảy vài cung réo rắt;
thơ thanh nhã đề ngâm phong nguyệt mới, rượu càn khôn rót mấy chén thơm tho.
Vuông đất tròn trời, thu về chặt túi;
Ngang sông dọc núi, chở lại đầy kho.
Hóng thanh phong nằm khểnh tót Tam sơn, phơi bụng trí để đãi đoàn ong kiến;
Chở minh nguyệt tếch về ngay Nhị thuỷ, gương mắt thần mà ngắm thế trai cò.
Bấy nhiêu đã lấy chi làm thắng khải;
Còn những đâu mà dám nói nhàn ngu?
Cao minh chi mà biết phép quan ngư, nào có phải Ba La cổ sắt;
Tài cán ấy khó làm mưu dụ tượng, dễ mà như Hư Tĩnh thư phù.
Đường ngoạn thưởng lờ mờ móng ngựa;

Cung du quan mù mịt bòng dù.
Đồ ăn thức mặc, ngán nỗi phố phường, xem phong vị khó như đời đại hữu;
Kẻ ám người gian, gớm thay quân tướng, ngẫm minh lương nào phải đạo trung phu.
Chữ lối cua bò, lằng nhằng thư thảo;
Thơ ròng chó chạy, láo nháo xướng thù.
Nhạc tiêu thiều còn lõm bõm khúc xưa, tiếng thanh điểu gọi người đi kẻ lại;
Sắc chương phủ hãy lờ mờ dấu cũ, ngọn kim phong lay lá rụng chồi khô.
Con túc vụ mờ mờ về lĩnh quạnh;
Cái cô hồng thăm thẳm tếch sương mù.
Chốn thi đình ve giục mới hè sang bốn vách in sầu thơ bạch nhạn;
Mái cầm viện dế kêu liền thu đến, vài gian kết thảm lưới thanh thù.
Đàn dế rúc sương, cung ánh ỏi;
Lửa huỳnh đưa gió, bóng tù mù.
Cát xô lên mặt nước trắng phau phau, nghĩ ấy thầy Tân đem hạc múa;
Trăng lạnh xuống đáy hồ trong vằng vặc, tưởng rằng ông Lý cưỡi kình mò.
Khóc khí vận tối căm con đỗ vũ;
Kêu cơ hoang sớm tủi cái hà mô.
Quyên thét lâu thì luống để hờn lâu, bên cầu vồng nghe nhịp trống khua trăng, vìNam tướng phải căm lòng Bắc sĩ;
Ếch kêu mãi lại càng thêm oán mãi, trên thành trì lắng ngọn còi huýt gió, bởi Tây triều mà ghét chí Đông phu.
Than với đất cả đoàn ong lũ kiến;
Thở cùng trời từ cái cốc đàn cò.
Thưởng nghiên trà cho cá lội hạc bay, khi hứng vịnh nguyệt dòm quanh bóng quế;
Nhớ thuần lư sẵn ngòi sâu nước rộng, buổi quy lai gió thổi rụng cành ngô.
Kẻ cao sĩ ắt nhiều nơi trực bút;
Đứa tiểu nhân âu lắm lúc hàm hồ.
Phường Khán sơn hoa kết võng vừa rồi, đoàn kỹ nữ bẻ bai hình đến phố;
Chợ Võng thị rượu nồng hương mới chín, lý tuý ông tất tưởi dáng sang đò.
Khói viễn thôn khi ngọn gió ra vào, trông thấp thoáng ngỡ nhà ma cửa lấp;
Trông cổ quán lúc tấm mây cuốn mở, thấy xa xa dường núi ngất cây rù.
Chim bay nhảy đầu non vì vụt;
Cá xuống lên mặt nước thập thò.
Cảnh vưa khi quân tướng những ta xưa, thú cỏ hoa thì ai cũng chiều chơi, nào ngờ tuyết lạnh sương tan, lòng dạ ấy phải biết cho người với;
Người đến buổi quan hà về kẻ khác, thù non sống nghĩ mình chưa trả được, dẫu có trăng trong gió mát, mặt mũi nào mà vui với cảnh ru!
Quảy cả văn chương hòn đất lấp;
Chảy băng danh vọng khúc sông nhô.
Quỷ dạ xoa quấy bụt xuống chi đây, người bách nghệ đến đâu đều khổ não;
Thần hạn bạt nát ai ra đấy tá, kẻ tam nông mong chẳng được tô nhu.
Cơn binh lửa trải mấy tao dời đổi;
Buổi phong trần thêm mấy dịp tranh đua.
Lớp tang thương rơi rụng tựa hoa tàn, ngẫm thiên đạo cũng vui thay cảnh thú;
Cuộc Nam Bắc được chăng dường chớp giật, nghĩ thời cơ thêm ngán nỗi khuông phù!
Đường vinh nhục nọ dòng nước chảy;
Áng lợi danh kìa đá lửa khua.
Gánh quân thân ai đã mỏi vai rồi, kẻ tráng sĩ làm thinh đi chẳng dứt;
Vạc quốc bảo khách còn dang cánh kéo, đứa nhâm nhân gắng sức lại mà hò.
Du hồ dễ mấy ai Phạm Lãi;
Phù hải âu chẳng một Tử Do.

Cửa âm dương khép mở sớm khuya liền, cơ huyền diệu khó lường sinh với tử;
Xe nhật nguyệt dẫy dun xuôi ngược mãi, kiếp phù hư khôn tính hữu hay vô.
Vầng trăng nọ tròn rồi lại khuyết;
Bình nước kia đấy lắm có khi rò.
Nhớ khi thanh dạ tần trăng, sen thoang thoảng đưa phong trà ướp mộc;
Tưởng buổi đoan dương quạt gió, lửa bừng bừng đun ấm rượu ngâm bồ.
Thanh cung khi hạ tới nắng đương nồng, nhồi phấn phun hương, so thanh lãnh với đông kia chẳng kém;
Lãng uyển buổi thu tàn hoa chửa rã, thêu hồng kết lục, vi phân phương cùng xuân ấy không thua.
Thủa ngự du đưa đĩnh phượng thuyền rồng, thẻ thanh hồng hoa cắm chặt áo tiên, thu được cả vương hầu khanh tướng;
Khi tứ yến bầy đàn loan quân phượng, khúc vũ nghê gió thổi lên cung nguyệt, vui mừng đều thành thị hải ngu.
Nông nỗi ấy kể càng thêm thảm nhỉ;
Cơn cớ này ai hầu dễ biết cho.
Đến nay:
Tan tành phong cảnh;
Nát bét qui mô!
Cơn thảo muội những gặp điều biến cải;
Lúc phong trần khôn thấy hội đô du.
Nhận cố cung phai nhạt màu xưa, tới mộc thạch cũng đeo sầu tiêu xác;
Xem hồ thuỷ thẹn cùng sắc nước, đến cỏ hoa đều ê ủ phân phu.
Thấy địa trận lắm nơi xoay gió lốc;
Xem thiên văn đương lúc thẳng sao rua.
Thuở bát chuyên độn lại thêm phiền, Canh Thân ấy ắt còn bền tựa đá;
Quẻ lục hợp bói ra cũng phải, Nhâm Tuất kia âu hẳn nát như tro.
Vận hội ấy nghĩ cũng đà nên biến;
Công lao kia xem chửa chút nào bù.
Nếu ra tay thì núi lở sông reo, thề chí ấy để vững ngôi nhân thế;
Hễ chớp mắt hẳn trời xoay đất chuyển, quyết gan này đem lại đứng thiên khu.
Có trung nghĩa hẳn không cùng lưỡng lập;
Để tinh thần cho thấu đến cửu u.
Rửa quan hà sạch dấu tanh hôi, vạn vũ được nhờ ca hữu tượng;
Quét thành thi hết loài gai góc, bốn phương đều đội đức vô ngu.
Bởi con Tạo có tơ gây lắm mối;
Vậy thợ Trời không thắm nhuộm nên ngù.
Kèn Thọ Xương đưa khách bắc nam về, thổi vu ký vu quy hồ hi hí;
Văn Quảng Bá viếng người khanh tướng chết, khó vô cô vô cố vi ô hô!
Kèn thổi thế dễ ai đua ngón được;
Văn khóc kia mấy kẻ đặt lời so.
Nghĩ thời cơ mà thêm cám cảnh thay, thử liếc mắt ngắm cùng con âu lộ;
Ngắm thế sự mới cùng ngao ngán nhẽ, sẽ rỉ tai bàn với lũ mục sô.
Rằng thiện ác vì ai dùi đứt lưới;
Hỏi thịnh suy nào kẻ đạp toang lò.
Vận hoang niên nào có ít tử hung, được vui thoả hẳn quên câu oán nhạn;
Người loạn thế biết bao nhiêu cơ cận, lúc no say đà gợi khúc ca phù.
Máy trời đất chẳng khác chi bàn rối;
Vòng cổ kim xem tựa giống đèn cù.
Chính sự này đừng nói với ta chi, nỏ kim quy để nhằm con quái thỏ;
Văn chương ấy chớ khoe cùng tớ nữa, cung mộc tinh dành bắn cái yêu hồ.

Gẫm nhân sự biết rằng cơ trị loạn;
Xem hồ quang đã không dấu thanh du.
Con lộc kia nào có phép toàn đâu, ông ngồi mã thượng hãy rình theo, còn quen thói nịnh tà mà chỉ lộc;
Khóm do nọ hẳn đến ngày thì cắt, kẻ muốn tình chung mà rửa sạch, bỗng buông tuồng gian ác lại sùng do.
Đá khiết bạch khó mài mầu xiểm nịnh;
Nước thanh quang khôn lọt vết tham ô.
Quốc đã nguy mà tướng lại không tài, phép đâu biết rằng cơ trị loạn;
Quân thì ám vả thần du chỉ nịnh, lẽ nào hay đến chốn điều trù.
Nẻo tiên cũng khó tìm nơi hoá;
Dấu phật du khôn xuống đấy tu.
Võ sự xem ra khổ man di, thẳng bước tới đứa chen vào, chiến trận thế cũng cờ giong trống giục;
Đạo học ngẫm chẳng theo hiền thánh, kẻ bày lời người thưa dịch, thi cử gì mà cửa lệch sân xô.
Khí tượng ấycũng chưa vương được nhỏ;
Anh uy này toan lại đế cho to.
Đây nay:
Chơi thì đã trải;
Ở cũng không thô.
Nghĩ cước sợ lây hơi chung đỉnh;
Nên mình còn nhẫn dấu phần du.
Giận vì thằng sao nỡ đặt "Tụng Hồ", bênh nguỵ tặc bỏ ơn đời đế thế;
Cho nên đây phải hoạ vần "Chiến tụng", nguyện ngô quân đem lại nếp hoàng đồ.

Bài phú này được làm vào năm 1800. Phạm Thái đến chơi nhà bạn ở kinh đô, nghe đọc bài "Tụng Tây hồ phú", hỏi ra là do Chương Lĩnh hầu Nguyễn Huy Lượng sáng tác. Lượng vốn là tôi nhà Lê, sau làm quan với Tây Sơn, viết bài "Tụng Tây hồ phú" để ca ngợi vua Quang Trung. Phạm nhân đó hoạ lại bằng bài này để bày tỏ lòng trung của mình với nhà Lê.

Gửi cô Trương Quỳnh Như bài 1

Từ chốn thềm cung trộm dấu hương,
Dễ xui tao khách mối sầu vương.
Gió thông réo rắt rong đèn oán,
Trăng hạnh chênh vênh dạng bóng dương.
Nếu đã tình duyên dun dủi phận,
Thì xin ân ái vẹn nên đường.
Phong lưu đôi lứa đà ai dễ?
Bụi tục chi cho bợn loá gương.

Gửi cô Trương Quỳnh Như bài 2

Đầy hoa dun lá khỏi tay trời,
Nghĩ lại tình duyên luống ngậm ngùi.
Bắc yến nam hồng, thư mấy bức,
Đông đào tây liễu, khách đôi nơi.
Lửa ân, dập mãi sao không tắt,
Biển ái, khơi hoài vẫn chẳng vơi.

Đèn nguyệt trong xanh, mây chẳng bợn,
Xin soi xét đến tấm lòng ai...

Giờ hợi

Hợi sang xanh biếc ngọn đèn tàn,
Gượng đốt lò vàng ngại với hương.
Làn khói chập chờn vương nỗi nhớ:
Cõi lòng thảng thốt nẫu đêm trường.
Canh gà eo óc khua bên trường,
Hồi cuốc băn khoăn giục dưới tường.
Mấy kẻ chung tình ai đã nhấp,
Hay còn trằn trọc nỗi người thương!

Giờ tuất

Giờ tuất canh sang được mấy phần,
Càng thêm ngao ngán bận lòng xuân.
Nguyệt mờ trướng ngọc, khôn êm gối!
Gió lạnh rèm hoa ngại lẻ chân!
Nghĩ nỗi tình riêng khôn kẻ biết,
Tưởng điều tâm sự, mấy người thân?
Bóng dâu dù tỏ dù không tỏ!
Tài tử giai nhân vốn nợ nàn.

Bài thơ này dùng vần xuân, Phạm Thái viết tiếp thơ vịnh 12 giờ của Trương Quỳnh Như.

Khóc cô Trương Quỳnh Như bài 1

Trời xanh cao thẳm mấy tầng khơi,
Nỡ để duyên ai luống thiệt thòi!
Buồn đốt lò vàng hương nhạt khói,
Sầu châm chén ngọc rượu không hơi.
Lầu tây nguyệt gác mây lồng bóng,
Ải bắc hồng sang bể tuyệt vời.
Một mối chung tình tan mấy mảnh,
Suối vàng, ai nhắn hộ đôi lời!

Bài thơ này Phạm Thái đọc nối tiếp bài văn tế Trương Quỳnh Như khi nghe tin nàng mất.

Khóc cô Trương Quỳnh Như bài 2

Oanh ru bên trướng giấc hoa nồng
Say tỉnh hồn mai nhớ lại mong
Non nước mơ màng chừng Chỉ lữ
Mây mưa phảng phất đỉnh Vu phong
Quyên về viễn phố hoa rầu rĩ
Nhạn tếch Hành Dương nguyệt não nùng

Đàn tiếng ly loan tay ngại gẩy
Mối sầu ai gỡ hộ cho xong

Mơ tưởng Trương Quỳnh Như
Từ chốn thiềm cung trộm dấu hương
Dễ xui tao khách mối sầu vương
Gió thông réo rắt rong đàn oán
Trăng hạnh chênh vênh rạng bóng dương
Nếu phải tình duyên may chút phận
Thì xin ân ái vẹn hai đường
Phong lưu đôi lứa ai đà dễ
Bụi tục chi cho bợn loá gương

Núi Con Voi

Tạo hoá khen thay khéo vẽ vời
Dạm nên một rặng núi Con Voi
Tới chầu điện ngắm quỳ khom gối
Nằm ngắm doành thanh vắt vẻo vòi
Cây biếc dưới trên che tán rợp
Mây vàng cao thấp thắng bành ngồi
Cưa mưa búa tuyết dầu dầu vậy
Xương đá lòng rêu vẫn hẳn hoi

Tự thán

Dăm bảy năm nay những loạn ly,
Cũng thì duyên phận, cũng thì thì.
Ba mươi tuổi lẻ là bao nả,
Năm sáu đời vua khéo chóng ghê!
Một tập thơ dày ngâm sảng sảng,
Vài nai rượu kếch ních tì tì.
Chết về tiên bụt cho xong kiếp,
Đù oả trần gian sống mãi chi!

Tự trào

Có ai muốn biết tuổi tên gì,
Vừa chẵn hai mươi, gọi chú Lỳ.
Năm bảy bài thơ ngâm lếu láo,
Một vài câu kệ tụng a ê!
Tranh vờn sơn thuỷ màu lem luốc,
Bầu giốc càn khôn giọng bét be.
Miễn được ngày nào ngang dọc đã,
Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi!

***

Vịnh tranh Tố Nữ

Cha Phạm Thái làm quan dưới triều Lê, sau khởi binh chống lại nhà Tây Sơn, rồi bị hại. Sau khi cha chết, Phạm Thái nối chí cha, mưu chống lại nhà Tây Sơn, nhưng bị truy nã gắt gao, phải trá hình đi tu ở chùa Tiêu Sơn, lấy đạo hiệu Phổ Chiếu thiền sư. Ông có người bạn là Trương Đăng Thụ đang làm quan ở Lạng Sơn cho đón ông Thái lên để cùng lo việc phò Lê. Chẳng may ít lâu sau ông Thụ mất. Ông Thái phải đưa linh cữu bạn về quê ở xã Thanh Nê, huyện ý Yên, Nam Định, rồi lưu lại luôn ở đó. Thân sinh ông Thụ là Kiến Xuyên hầu Trương Đăng Quỹ rất mến Phạm Thái, thường vẫn hay đàm đạo về thời thế và thơ văn với ông Thái.

Một hôm Phạm Thái ngồi uống rượu với Kiến Xuyên hầu, hầu trông vào bức tranh tố nữ bảo ông thử uống cạn mười chén, vịnh thơ một bài. Phạm Thái vâng mệnh, cất bút thảo luôn một thiên Đường luật theo cách "thuận nghịch độc" (đọc xuôi là thơ chữ Hán; đọc ngược lại là thơ nôm diễn đạt ý bài thơ chữ Hán) đưa trình. Thơ như sau:

Bài đọc xuôi:

Thanh xuân tỏa liễu lãnh tiêu phòng,
Cẩm trục đình châm ngại điểm trang.
Thanh rạng độ tiên phì phất lục,
Đạm hy tán cúc thái sơ hoàng.
Tình si dị tố liêm biên nguyệt,
Mộng xúc tằng liêu trường đỉnh sương.
Tranh khúc cưỡng khêu sầu mối bận,
Oanh ca nhặt vĩnh các tiêu hương.

Bài đọc ngược:

Hương tiêu gắc vắng nhặt ca oanh, (1)
Bận mối sầu khêu (2) gượng khúc tranh.
Sương đỉnh trướng gieo từng giục mộng,
Nguyệt bên rèm, tỏ dễ si tình.
Nắng thưa thớt, cúc tan hơi dạm,
Lục phất phơ, sen đọ rạng thanh.
Trang điểm ngại chăm dừng trục gấm, (3)
Phòng tiêu lạnh lẽo khóa xuân xanh. (4)

Hầu xem xong thích lắm, khen là "thanh quan thắng tuyệt" (trong sáng tuyệt vời). Từ đấy hầu có ý muốn gả con gái là Trương Quỳnh Như cho Phạm Thái. Vì cũng biết là hai người đã yêu nhau. Nhưng bà mẹ Quỳnh Như không bằng lòng. Sau Quỳnh Như bị ép gả cho một người khác, nàng liền tự tử. Từ đấy Phạm Thái buồn bã, chán nản, đi lang thang đây đó, uống rượu làm thơ, tự xưng là Chiêu Lỳ.

(1) Nhặt ca oanh: Tiếng chim oanh hót luôn luôn.
(2) Sầu khêu: Nỗi buồn khêu gợi lòng. Gượng khúc tranh: Gượng đánh khúc đàn tranh.
(3) Dừng trục gấm: Dừng việc dệt gấm.
(4) Khóa xuân xanh: Nhốt người con gái trẻ.

Văn tế Trương Quỳnh Như

Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác ấy bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nụ, thu lẫn trăng rằm!

Lại có điều đau đớn thế. Nhà huyên ví có năm có bảy, mà riêng mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội nước vơi còn có lẽ.

Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vầng, mây có một đoá: thân là thân hiếm hoi chừng ấy, nỡ nào lấy đôi mươi năm, làm một kiếp, mà ngơm ngớm chốn non Bồng nước Nhược, chút gì không đoái đến cõi phù sinh!

Ví dụ mà tiên thù với tục, sao xưa kia vâng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện một thân cho vẹn kiếp, thì ba vạn sáu ngàn ngày sống cho đủ lệ: nọ xuân huyên, này phu tử, góp với trần gian không chút hận, rồi sẽ rong chơi chín suối, cớ sao riêng bóng vội vàng chi?

Ôi! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sả, những như thân giá ấy, tình cảnh ấy, ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, tuy chẳng thân kia thích nọ nhưng tình duyên ấy, cũng là một chút cương thường: dầu rằng kẻ ấy lạ người đây, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự. Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi thời nên nấn ná nhân duyên: mình long đong thân gái liễu bồ, vì giận phận hoá buông xuôi tính mạng.

Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm: chua xót cũng vì đâu?

Nay qua nấm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sùi sụt hai hàng tình lệ, giãi bày một bức khốc văn, đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử!

***

Phụ đính II:

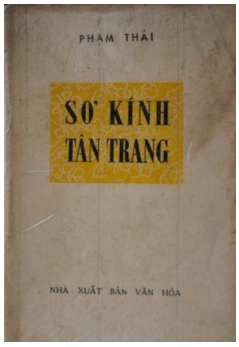

Sơ kính tân trang lược truyện
Wikipedia

Sơ kính tân trang (Câu chuyện mới về lược và gương) là một truyện thơ do danh sĩ Phạm Thái (1777-1813) sáng tác tại Việt Nam ở đầuthế kỷ 19.

Truyện thơ *Sơ kính tân trang* được làm ra năm 1804 (khi ấy tác giả 21 tuổi), dài 1.484 câu thơ chữ Nôm (chủ yếu là thơ lục bát có xen một ít thơ Đường luật, thơ cổ phong và song thất lục

bát). Nội dung truyện kể lại một câu chuyện tình duyên lãng mạn và trắc trở, hư cấu trên cơ sở mối tình cay đắng của chính tác giả.

Tác phẩm này lần đầu được Sở Cuồng Lê Dư phiên âm ra chữ Quốc ngữ rồi in trong cuốn *Phổ Chiêu thiền sư thi văn tập* (Nhà xuất bản Nam Ký, Hà Nội, 1932).

Nội dung sơ lược

Sơ kính tân trang kể về cuộc tình duyên trắc trở giữa chàng Phạm Kim với Trương Quỳnh Thư. Nguyên trước kia ở Từ Sơn (nay thuộc Bắc Ninh) có một người họ Phạm (Phạm công) là bạn học chí thân với người họ Trương (Trương công), quê ở Kiến Xương (nay thuộc Thái Bình). Hai người giao ước, hễ sau này một bên sinh trai, một bên sinh gái thì sẽ gả con cho nhau. Và họ đã trao đổi lược gương (Sơ là cái lược, kính là cái gương) để làm tin. Sau đó, vợ Phạm công sinh con trai, đặt tên là Phạm Kim.
Bất chợt xảy ra quốc biến, Phạm công lo việc cần vương thất bại, nhà cửa tan nát. Phạm Kim lớn lên định nối chí cha, nhưng chẳng làm được gì, đành đi rong chơi. Một ngày kia đến Thú Hoa Dương, thấy cảnh đẹp, chàng ở lại rồi tình cờ biết được Quỳnh Thư, con gái của một viên quan cũng họ Trương. Nhờ có người giúp đỡ, Phạm kim và Quỳnh Như trao đổi thư từ, rồi sinh lòng yêu nhau tha thiết.

Sau đó, Phạm Kim có việc phải về quê. Khi đó có viên đô đốc ở kinh kỳ nghe tiếng Quỳnh Thư xinh đẹp liền đến hỏi nàng làm vợ. Gia đình Trương công không muốn gả, nhưng trước sức ép của người có quyền thế (tức viên đô đốc), cha Quỳnh Thư đành phải nhận lời. Biết được, Quỳnh Thư liền viết thư gọi Phạm Kim đến, lẻn ra tâm sự. Bế tắc, cả hai cùng thề hẹn sẽ lấy nhau ở kiếp sau. Trước khi chia tay, nàng còn giơ bàn tay có in hai chữ "Quỳnh Nương" cho Phạm Kim xem để làm tin. Về nhà, Quỳnh Thư tự tử. Còn Phạm Kim thì ốm nặng vì quá đau khổ. Sau khi khỏi bệnh, chàng buồn bã gởi thân nơi cửa Phật, mong dịu vết thương lòng.
Trong lúc ấy, Trương công (bạn của cha Phạm Kim, không phải là viên quan họ Trương vừa nói trên) từ quan về nhà. Người vợ lẽ của ông sinh hạ được một gái, đặt tên là Thụy Châu. Thụy Châu có nhan sắc, tính tình phóng túng. Nàng cải dạng thành một đạo sĩ nay đây mai đó. Đến Kim Sơn, Thụy Châu gặp nhà sư Phạm Kim. Cả hai cùng đàm đạo, xướng họa với nhau.

Lúc vị "đạo sĩ" ra đi, Phạm Kim ngờ người nói chuyện với mình là phụ nữ. Tứ đó, chàng không thiết gì tu hành nữa. Nghe danh Trương công (bạn của cha Phạm Kim), chàng đến ra mắt và được mời làm gia sư. Một hôm nhờ tiếng đàn xướng họa mà Phạm Kim và Thụy Châu nhận ra nhau. Sau khi dò hỏi lai lịch, hai người lấy gương lược ra so thì đúng với lời ước cũ giữa hai bên. Trương công vui lòng cho hai người lấy nhau. Tuy vui duyên mới, Phạm Kim vẫn buồn vì luôn thương nhớ Quỳnh Thư. Bị vợ gặng hỏi, chàng phải thú thật. Nghe kể xong, Thụy Châu giơ bàn tay có dấu chữ "Quỳnh Nương" cho chàng xem. Bấy giờ Phạm Kim mới biết Thụy Châu chính là "hậu thân" của Quỳnh Thư.

Nhận xét

Sơ kính tân trang là tác phẩm chính của Phạm Thái. Tác phẩm này có yếu tố tự truyện.
Xét mặt khác, trong khi phần lớn truyện Nôm cùng thời, thường viết theo cốt truyện của Trung Quốc, thì Sơ kính tân trang là tác phẩm thuần túy Việt Nam. Câu chuyện Việt Nam diễn trên đất nước, xã hội Việt Nam. Đây là nét đáng chú ýc ủa tác phẩm.

Một nét đáng chú ý nữa, là tác giả viết về đề tài tình yêu một cách rất lãng mạn. Đôi trai gái trong truyện yêu nhau tự do, không vướng víu gì về luân và lễ giáo phong kiến. Tác giả không những đồng tình với mối tình ấy, mà còn say sưa miêu tả những tâm trạng yêu đương rất tính tế. Tuy

nhiên, tác phẩm còn bị hạn chế ít nhiều, thể hiện trong tâm lý chủ nghĩa thất bại ở hầu hết những nhân vật chính diện, mà chủ yếu là Phạm Kim và Quỳnh Thư. Họ táo bạo trong tình yêu, nhưng khi gặp trở ngại, thì họ chỉ biết than thở, rồi cuối cùng lấy việc tự tử và hẹn gặp nhau ở kiếp sau để tỏ lòng chung thủy. Câu chuyện tái thế tương phùng ở cuối tác phẩm không phải là một biểu hiện lạc quan, mà chẳng qua chỉ là một mơ ước buồn thảm, một điều bịa đặt để tự lừa dối mình, khi tác giả cảm thấy không còn một hy vọng nào trong thực tế.

Sơ kính tân trang không phải là một tác phẩm thành công ở phương diện tự sự, mà ở phương diện trữ tình và ở việc miêu tả tâm trạng nhân vật. Nhất là khi khắc họa những nhân vật phản diện, tác giả sử dụng bút pháp khá sinh động, có tính chất hiện thực, pha thêm chất trào lộng, khôi hài. Ngôn ngữ lục bát của Phạm Thái có những thể nghiệm cách tân táo bạo, kể cả dùng phương ngữ để tô đậm tính chất nhân vật.

Sơ kính tân trang

(*Tiêu sơn tráng sĩ* của Khái Hưng – Hồi 44)

Thấy Phạm Thái lại trở về làng, Kiến Xuyên hầu rất vui mừng và đặt tiệc khoản đãi Phạm Thái khẩn thiết tạ tội vì hôm rời Thanh Nê ra đi, chàng vội vàng quá không kịp cáo biệt hầu, để xin phép về thăm quê.

Biết Phạm Thái là một nhà văn lỗi lạc, học thức uyên thâm, Kiến Xuyên hầu ngỏ lời lưu chàng ở lại dạy mấy đứa cháu, con trai và con gái Thanh Xuyên, Phạm Thái nhận lời ngay. Chàng cũng muốn nghỉ cái đời hoạt động ít lâu để nghe ngóng thời cuộc Chàng nghĩ thầm: "Bây giờ Tây Sơn đương lúc vận hồng, thế mạnh, khó lòng làm gì nổi. Ta đợi biết tin tức chúa Nguyễn Ánh trong Nam đã. Trong ấy mà thắng, ngoài này ta mới bắt đầu hoạt động, cũng chẳng muộn."
Thực ra đó chỉ là một câu nói, một ý nghĩ của kẻ anh hùng đã bắt đầu thoái chí, đã bắt đầu hơi chán nản thời thế. Thường họ tự an ủi như thế. Rồi dần dần họ quên việc lớn, trong chén rượu nồng hay trong lòng một người thiếu nữ. Trời ơi! Cái tuổi ngoài hai mươi, hăng hái thì hăng hái thực. Nhưng đến lúc đã nguội lạnh thì ngội lạnh hơn tro tàn. Lúc Bấy giờ họ sẽ đem chử nghĩa yếm thế vẫn vơ ra mà che đậy một tâm hồn hèn yếu.
Hiện bây giờ Phạm Thái cũng chỉ là một ông thầy đồ còn sôi nổi những ý tưởng cao xa.
Một hôm Kiến Xuyên hầu xuống nhà họ củ Phạm Thái ra vườn xem hoa, rồi khẽ bảo chàng:
- Lão gia nghe nói triều đình đã một dạo lùng bắt các thiền tăng. Sợ có kẻ lưu ý tới công tử chăng? Chi bằng phá giới quách.
Kiến Xuyên hầu cả cười. Phạm Thái lễ phép trả lời:
- Bẩm tướng công, văn sinh lại nhập thế cũng không khó khăn gì, chỉ việc bỏ bộ thiền phục ra là xong. Vả văn sinh chưa bao giờ đã chính thức xuất thế, chẳng qua chỉ mượn bộ áo cà sa để ẩn núp trốn tránh, điều ấy văn sinh đã nhiều lần thưa cùng tướng công.
Trương công reo lên:
- Công tử nói rất hợp ý lão gia.

Mấy hôm sau, Phạm Thái đã trở nên một ông đồ nho thực hiệu, với tấm áo lương dài, với chiếc khăn nhiễu tam giang chít rất khéo để che cái đầu trọc. Nhân anh em thường đùa bỡn gọi chàng là chiêu lý, chàng liền lấy tên là Phạm Văn Lý. Chàng nghĩ thầm: "Thôi thế này thì không còn ai có thể nhận ra được Phổ Chiêu thiền sư chùa Nghiêm Xá mà cũng chẳng còn ai biết mình là Phạm Thái, một thời để tìm cái chết với thanh kiếm, cây cung ở bãi sa trường."
Chàng lấy làm tự thẹn, nhưng còn tự an ủi gượng: "Nhưng nào ta đã thoái chí! Chẳng qua chỉ nương náu đợi thời. Đợi thời như Trần đại huynh, Nguyễn đại Tỷ."

Có một cớ khiến lòng chàng trở nên uỷ mị mà chàng không dám tự thú nhận. Cớ ấy là nàng Quỳnh Như.
Thực vậy, ngay hôm chàng vừa về tới Thanh Nê, Quỳnh Như đã mật viết cho chàng một bức thư hỏi thăm về công việc chàng đương theo đuổi. Trong phúc thư chàng thuật qua tình thế của đảng và tỏ ý chán nản về việc lập chi đảng ở trấn Sơn Nam mà Quang Ngọc đã phó thác cho chàng. Chàng như trông thấy rõ ràng sự thất bại chắc chắn, vì tiền thì không sẵn, quỷ của đảng lại một ngày một cạn. Vả chàng khó lòng mà tìm nổi một bọn đồng chí, như bọn đồng chí của Quang Ngọc khi đảng Tiêu Sơn còn hoành hành trong trấn Kinh Bắc. Vậy chàng đành lòng chờ đợi ít lâu...
Quỳnh Như tin ngay lời chàng. Mà chàng cũng tự tin lắm. Nhưng khốn thay cái dáng điệu mị kiều thấp thoáng trong hoa và giọng nói du dương văng vẳng chốn phòng khuê nhiều khi làm cho tráng sĩ hoá ra mơ mộng.

Mơ mộng đến nỗi viết nên những bài thơ đầy tình uỷ mị như bài thơ độc vận sau này:
Chơi hoa nay đã biết danh hoa,
Nhưng nghĩ tình hoa, thẹn với hoa.
Réo rắt chiều xuân oanh hót liễu,
Càng thêm ngao ngán khách tìm hoa.

Ý tứ bài thơ trên thực không một chút tâm trạng gì gọi là tâm trạng một nhà sư hay tâm trạng một danh sĩ có chí khí. Đó chỉ hoàn toàn là tâm tình một anh chàng mê gái.
Vả Quỳnh Như chẳng bao lâu cũng không còn là Quỳnh Như buổi đầu nữa, cô Quỳnh Như biếu ngựa và giục tráng sĩ lên đường. Có lẽ xưa kia một là nàng quá lãng mạn, hai là nàng cố làm cho Phạm Thái phải kính phục nàng, Phạm Thái mà nàng đã thương thầm yêu trộm ngay từ hôm được đọc mấy bài thơ tuyệt bút của chàng.
Nhưng ngày nay chân tướng nàng lộ hẳn ra: nàng chỉ là một thiếu nữ con quan, dễ cảm động về cắi đẹp, cắi hay, vì những lời thơ tình tứ.
PhạmThái đương chán nản, thất-vọng về việc đảng, nghe những câu tán tụng của Trương tiểu thư như những lời an ủi ngọt ngào. Vì thế lại càng cẩm cúi gọt rủa nên nhiều bài thơ khắc...
Và chẳng bao lâu, hai người yêu nhau, say mê nhau thư từ, văn thơ trao đổi xướng họa với nhau.
Lúc ấy, còn đâu là chí phấn đấu, còn đâu là tình khuyến khích!
Một hôm được tin Trương công và Trương phu nhân ra chơi chùa, Phạm Thál lẽn xuống phòng khuê thăm bạn gái. Thấyy Quỳnh như đang đọc truyện Phan Trần, liền hỏi ý kiến nàng về tác phẩm ấy. Nàng cho rằng truyện Phan Trần văn chương tuyệt tác.

Tức thì, ngay từ hôm ấy Phạm Thái bắt đầu soạn truyện "Sơ kính tâm trang." Thấm thoát có hơn một tháng thiên tiểu thuyết bằng thơ đã viết xong. Phạm Thái dâng tặng khách má hồng.
Cho hay ái tình có sức mạnh đến thế. Xưa kia theo đuổi việc lớn, Phạm Thái chưa làm nhổ một công trình gì có kết quả mỹ mãn như việc soạn sách này.
Truyện "Sơ kính tân trang" đã làm cho tên Quỳnh Như bất hủ. Nhưng nó sẽ mãi mãi răn bảo những bậc anh hùng ái quốc rằng chớ nên tạm bước vào vòng tình ái để cố quên hay an ủi một sự thất bại; ái tình sẽ chiếm lấy cả tâm hồn ta, không nhường cho việc lớn ta đang theo đuổi một chỗ cỏn con.
Xem truyện "Sơ kính tân trang", Quỳnh như biết rằng đó chỉ là thiên tình sử của hai người, nên càng cảm động và đọc đi đọc lại mãi đến thuộc lòng. Vì nàng thấy nhân vật t trong truyện toàn là những người hai bên họ Phạm và họ Trương cả: Trạch tung hầu thân phụ tác giả, chỉ mấy nét bút đủ vẽ rõ rệt:
Phạm công nặng sức cần vương,
Giang sơn một gánh, cương thường hai vai.
Khôn toan thay đổi cuộc đời,

Lòng trời là thế, để người cho xong.

Và đoạn dưới đây chẳng là hình ảnh người yêu còn là hình ảnh ai nữa?
Căn gan tóc dựng đứng lên,
Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng:
Làm trai cho thoả chí trai,
Trong trần ai chớ lụy ai tầm thường,
Bốn phương hồ chỉ dây vàng,
Nhảy từng đảo lãng, bắc thang vân cà,
Tu mi tỏ mặt trượngphu,
Đơn trung hiế ưu để trả thù non sông,
Anh hùng ấy mới anh hùng,
Thân nhàn há sá học đồng thiến u niên..

Còn nàng, tác giả quên sao được nàng. Quỳnh Như mỉm cười đọc đoạn văn tả nhan sắc mình, mà tác giả đặt vào miệng tiểu đồng:
Trương công là đấng nghiên đường,
Vốn giòng ngọc điệp, tên nàng Quỳnh Thư,
Xuân hoa bực ấy đương vừa,
Tuổi vừa đôi tám, phong thư lạ lùng.
Thước tầm phong dạn bằng ông,
Lam pha mày liễu, mỗ đông da ngà,
Chiều cá nhảy, vẽ nhạn sa,
Mắt long lanh nguyệ, tóc rà rà mây,
Má hồng môi thắm hây hây,
Khổ mê thươc dươc, thức say hái đường,
Chiền xanh ngọc, vẻ so vàng,
Ôi hoa vì sắc, ủ hương vì màu.

Đường mơ về tự ngã trong thơ văn Phạm Thái
Nguyễn Quang Huy

Phạm Thái (1777 - 1813) là một khuôn mặt khá đặc biệt trong thơ văn Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Đặc biệt trong thời đại ông sinh ra và ứng xử với nó; đặc biệt trong cách thể hiện thế giới nghệ thuật nhiều cá tính, nhiều gương mặt; đặc biệt trong vũ trụ mộng trước cuộc đời; đặc biệt trong cách thế tồn tại tài hoa mệnh bạc của ông; đặc biệt hơn là thơ văn của ông chưa được lưu ý phân tích ở chiều sâu tâm lí, chiều sâu thẩm mĩ.

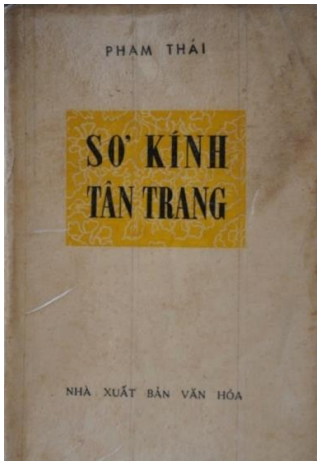

Truyện thơ "Sơ kính tân trang" của Phạm Thái - Ảnh: internet

Cũng từ đây, bộ mặt nhiều ủ rũ của chiếc áo khoác trên con người - lịch sử cần nhường chỗ cho sự sặc sỡ của con người - sinh thể nghệ thuật. Trên cơ sở đó, với tinh thần kiểm thảo những nghiên cứu đã có, trong bài viết này, chúng tôi hướng đến nghiên cứu thơ văn Phạm Thái trong một cái nhìn nghiêng về tâm lí học phân tích chiều sâu và cái hồn mộng của ông trước cuộc đời. Đó cũng là con đường đi tìm các khuôn mặt hiện diện của một Phạm Thái còn ẩn khuất trong nghệ thuật thơ văn.

1.

Phạm Thái là khuôn mặt nhiều đặc biệt trong một giai đoạn văn học cụ thể - giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Trong cuộc đời, Phạm là một kẻ "ngang tàng tính mệnh" (sống được 37 năm)(1) nhưng lại nhiều tham dự trước cuộc đời, mà đã tham dự thì luôn luôn đòi buộc các liên thuộc mà thi sĩ phải lãnh nhận; mỗi liên thuộc ấy tạo lập những bổn phận mới, nói theo V. Turner, là "những xác nhận bản ngã" và theo đó là quá trình chuyển hóa - chuyển hóa bên trong, nhằm giải phóng các tiềm năng nội tại trong bản thân(2). Trong thơ văn, Phạm là người tài hoa, lấy cái ngông làm tài - một đặc thù của cá tính sáng tạo thời trung đại Việt Nam(3). Nhưng khi khẳng định mình qua cái tài, cũng đồng thời họ sống trải với một hệ quả kép: vinh/ nhục, lạc quan/ thất vọng. Thơ văn ông nghiêng hẳn về trữ tình, lấy tình để nuôi mộng và phần lớn mang tính chất tự truyện. Trước thời đại, ông bướng bỉnh đi ngược chiều, tỏ rõ cá tính, thái độ và hành động chống đối cơ nghiệp mới của triều Tây Sơn, Nguyễn triều.

Vấn đề đặt ra là, ông đã diễn tả qua thơ văn của mình sự tham dự vào nhiều cuộc sống khác nhau, nhưng mọi thứ đều thất bại. Ông là một kẻ thua cuộc, kẻ trắng tay với nợ tang bồng. Điều này khiến ta nghĩ đến suy tư về thân phận con người của G. Marcel, rằng, con người bước vào cuộc đời là một kẻ lữ hành muôn thuở, một viễn khách, các ý nghĩa sống lần lượt rời bỏ mình, mà theo đó, các tiếng nói trong nghệ thuật cất lên nhiều ý nghĩa đau đớn. Phạm thuộc trong số đó. Những bước đường của thi sĩ đất Bắc Ninh này là những bước cảm nghiệm khác nhau mà mỗi cảm nghiệm là một chiều kích của sự phóng tâm. Và ở đây, con người trong ý nghĩa viên mãn, là một kẻ tự vượt để trở nên chính mình. Trong hướng đó, chúng tôi nhận ra rằng còn một giả thiết khác, các ngả khác nhau của đường mơ về Tự ngã trong mỗi con người khi thể hiện tâm giới qua nghệ thuật. Đó cũng là sự tập trung khai thác của bài viết này.

2.

Tự ngã (Self) (4) được định nghĩa như là sự hướng đến "*sự thuần nhất*", và "*tròn đầy*" của con

người, gồm cả vật chất và tinh thần, thể xác và tâm linh. Trong đường vào nội tâm, tự ngã là "trọng tâm siêu việt" (M. Stein) của mỗi cá thể. Nó là "mẫu tượng cơ bản cuối cùng trong tiến trình thực hiện căn tính bản vị"(5) con người. Những hình ảnh của tự ngã là các mộng tưởng nghệ thuật được "*phóng ngoại*", là những năng lực tâm lý thể hiện các chiều sâu của bản thể hiện hữu. Nó là một hành trình, mỗi giai đoạn khác nhau của cuộc đời, đặc biệt là trong những khúc quanh của các biến cố, với những nét biểu hiện khác nhau, đều cho thấy các căn tính bản vị của mình (Phạm mồ côi mẹ lúc 2 tuổi, bạn thân mất, 20 tuổi - điểm tựa từ người cha sụp đổ, lí tưởng phù Lê còn lại giấc mộng ảo, Quỳnh Như chết… Theo C. Jung, đó là những va chạm giữa tâm thần và thế giới (va chạm hướng ngoại) tạo ra các thức nhận nội giới. Các chiều hướng khác nhau của nó sẽ dẫn đến những bước phát triển khác nhau, vì trong sự đối mặt với mỗi cảnh huống, sẽ có những giải pháp nào đó thích ứng giữa cấu trúc tâm sinh lí của cá thể với môi trường, cũng có thể tạo nên các va chạm bên trong, tạo ra các tưởng tượng kinh nghiệm nội tâm lạ lùng. Suy xét về tự ngã, cũng đồng thời khơi lên những vùng tâm thức khác nhau trong mỗi một con người, do đó, là xem xét các tầng thức nhận về bản thân mình. Văn chương lại là nơi thể hiện và cất giấu những điều đó. Với văn học tiền hiện đại, cá tính ấy - sự phóng ngoại của tâm thức luôn thuộc về hai mô hình: chuẩn/ phi chuẩn. Với giai đoạn Phạm sinh sống, con người luôn hướng đến các mẫu hình: "anh hùng", "kì khí", "tài tình", và cả "nghịch tử" nữa(6). Những mẫu hình này làm nên những đối trọng với các cách biểu hiện "ngã" trước đó.

3.

Thế giới lí tưởng của Phạm Thái, trước tiên phải là mộng về cựu triều (Lê triều)(7). Nói mộng vì thời điểm sống của ông 1777 - 1813, là khi những ba động của lịch sử đang đi vào quỹ đạo khác, mà mỗi một "vẫy vùng" có nguy cơ trở nên bi đát. Nhưng "giấc mộng phù Lê" với Phạm là cả một nghĩa cử sống còn (lí tưởng trung quân). Thực ra, trong thời gian từ thế kỉ XVI đến XVIII, thể chế chính trị Việt đi vào danh nghĩa kì lạ bậc nhất, là một thực thể "lưỡng đầu chế", nghĩa là từ rất sớm, từ 1527, nó đã không còn "chính danh" nữa(8). Những thôi thúc từ bên trong ông là mãnh liệt: *Ta hăm hở chí trai hồ thỉ* để tìm "nếp hoàng đồ", nguyện một lòng vì "ngô quân", "cẩn giữ lẽ thường; tin cầm nghĩa cả". Ông gọi mình là "đá khiết bạch khó phai màu siễm nịnh", cũng vì thế, Phạm tự nhận mình là "người căm gan chưa trọn đạo quân thần, gương trung nghĩa liếc sương nghiêm lóng lánh"(9). Thái độ ứng xử này hoàn toàn dễ hiểu vì trên hành trình này, ông không phải là kẻ cô độc. Giấc mộng của Phạm là nối nghiệp cha, nhưng cũng một phần là máu huyết của mình như một mẫu hình của thời đại. Sinh ra, ông cũng nhận lãnh cái phận sự như Nguyễn Công Trứ (sinh 1778, hơn Phạm một tuổi, cha ông cũng không cộng tác với tân triều) là đem "thân", "chí" trai để "xẻ núi lấp sông", luôn canh cánh vay trả "nợ quân thân", "nợ nước". Trong thời đại đó, suốt hai thế kỉ (XVII và XVIII) lần lượt xuất hiện mẫu nhân vật "anh hùng thời loạn" trong hàng loạt tác phẩm: "Ngọa long cương vãn", "Chim trong lồng", "Trương Lương hầu phú"… Sống với lí tưởng, Phạm là con người của hoạt động, coi hành động là niềm say mê của đời mình. Trong loạn lạc, ông thích "hành" hơn "tàng". Đó là một cuộc đời đầy sóng gió và sôi nổi, "cuộc đời của một tráng sĩ mang hoài bão và lí tưởng của một vị anh hùng cứu quốc"(10). Để chống Tây Sơn, Phạm Thái tham dự nhiệt thành trong đảng Tiêu Sơn với tư cách "cựu quân sư của Nguyễn Đoàn, phó đảng trưởng kiêm chức quân sư của đảng Tiêu Sơn"(11). Ông viết bài "Quân yếu" bàn luận thế đánh và giữ cho nghĩa quân(12). Chính giấc mộng này đã tạo nên hình tượng nhân vật lí tưởng của Phan Khắc Khoan, Khái Hưng với cái nhìn đầy cảm khái trong kịch *Phạm Thái*, *Tiêu Sơn tráng sĩ*: *Ta tráng sĩ hề! Gặp thời loạn lạc/ Như cá gặp nước hề! Ta vẫy vùng*(13). Có nhìn nhận như vậy mới hiểu mộng của ông khác với con đường của Nguyễn Huy Lượng đến mức nào trong "Chiến tụng Tây Hồ phú". Có thể nói, tham dự vào xã hội, Phạm là một "khách chinh phu", một cá tính riêng, một nhân cách hành động. Với Phạm, tham dự vào ý thức Nho giáo, trong giấc mộng về vương quyền, mượn lời A. Niel, ông vừa tỏ khí "anh hùng" nhưng đồng thời là "nạn nhân khốn khổ" của ý thức đó.

4.

Nhưng, đến cuối thế kỉ XVIII, "giấc mộng anh hùng" chỉ còn là "hồi quang" của một "bóng hình"(14). Thân thế trót hẹn với "tang bồng" đành phải "bỏ lỡ". Bước chân phiêu lãng của một kẻ sĩ giờ bén dấu Phật. Phạm trở thành "khách tầm thanh", tự nhận "Sãi tôi nay: gặp thuở minh thời, sinh lầm nam tử"(15). Với Phạm Thái - Phổ Chiêu thiền sư là một cảm nghiệm mới, cảm nghiệm siêu hình, mang thị kiến tôn giáo. Các bài "Đề chùa Tiêu Sơn", "Tờ phả khuyến của chùa Nghiêm Xá", "Tờ phả khuyến lễ kết hạ"… đều thể hiện ít nhiều cảm nghiệm: "Đạo giải quá thấy lời kinh thủy sám, nước cam lồ nhờ rảy sạch bụi trần; chữ tu nhân nghe câu kệ Kim Cương, gươm bảo tuệ mượn dứt không niềm tục"(16). Nếu nhìn nhận nhận thức của Khổng giáo về thân phận con người theo năm thị kiến: thi ca, chính trị, xã hội, siêu hình, lịch sử thì một cá nhân có thể cùng lúc là một sinh thể thi ca, một sinh thể xã hội, sinh thể chính trị, sinh thể lịch sử và một sinh thể siêu hình (17).

Bước chân của Phạm đến với Phật giáo trong hình hài của Phổ Chiêu thiền sư là chiều kích của cảm nghiệm tôn giáo. Qua khảo sát, phạm vi sử dụng các danh ngữ Phật giáo trong thơ văn Phổ Chiêu là khá phổ biến: trai giới, bát nhã, Ba la (Ba la mật), hương giải thoát, hoa ưu đàm, Đức Thế Tôn, Phật Bà, Mục Liên, máy thiền… theo chúng tôi, trong cái nhìn hành trình của bản ngã con người, mang một ý nghĩa khác(18). Nó là chiều kích mới, dù ít hay nhiều, trong sự tìm gặp với cộng đồng nhân văn. Bởi trong sự thực, dù thất thế, Phạm căn bản vẫn mang trong mình con người của căn tính lịch sử, căn cốt của một kẻ sĩ, nghĩa là ở tầng sâu, ông vẫn hướng đến cộng đồng ngoài kia, vì theo niềm tin chung của Nho giáo, trước xã hội, họ tin vào sự chuyển hóa tối hậu và tính chất lương hảo nội tại của cộng đồng nhân văn. Vì thế, lịch sử tâm tính được bồi đắp, nhưng hệ giá trị trong Phạm đã thuộc về Nho giáo không bớt đi bao nhiêu, nên, bước đi không triệt để. Đây chính là lí do, trong giai đoạn cuối cuộc đời, ông luôn day dứt (vừa hướng đến các phạm trù Nho giáo, vừa say với đời và vừa mơ đến thế giới Tiên, Bụt: *Chết về Tiên, Bụt cho xong kiếp*.

5.

Đam mê của Phạm thuộc về những thế giới giá trị bản thể chứ không phải mộng tầm thường. Vương triều, với một kẻ sĩ Nho giáo là giá trị hướng đến cao nhất, nơi đó là đích đến, quy định danh phận của một đời người, phận người (chính danh định phận)(19). Mất phương hướng, ông hướng đến tình yêu, một giá trị bản thể - người khác. Sự thay đổi từ cựu triều sang thế giới luyến ái, ý thức Phạm chuyển vị từ thượng đế xã hội (bên ngoài) sang thượng đế của chính mình (bên trong). Bước vào tình yêu, gần như phần lớn năng lượng sống của mình, Phạm Thái dồn cho sự luyến ái lứa đôi. Cũng ở đây, một vùng trải nghiệm mới của nhân tính được tỏ lộ. Gương "mặt trượng phu", "mặt anh hùng" nhường chỗ sự tỏa rạng của "người tài tử" - Phạm Kim chiếu sang "người thần tiên" - Quỳnh Thư. Đây là mẫu hình của thời đại, khi người phụ nữ và những say mê lãng mạn trong tình yêu đôi lứa lần đầu tiên được thể hiện mãnh liệt. Có thể xem trong sự diễn tả say sưa hệ chủ đề này, kẻ diễn kịch cho đức hạnh tạm nhường chỗ cho những diễm từ ca ngợi luyến ái người - người. Có thể nói, tình yêu chính là một trong những sự kiện quan trọng bậc nhất làm nổi rõ bản ngã tài - tình của Phạm(20). Các nhà nghiên cứu khi đề cập đến những sáng tác của Phạm Thái đều thống nhất đóng góp nghệ thuật diễn tả tình cảm cá nhân đi ra ngoài khuôn khổ. Chính ở đây, như một cứu cánh cuối cùng, ông thực hiện trọn vẹn cái tâm của mình(21). Tham dự vào tình yêu, Phạm Thái vừa sơ chớm ngọt bùi đã chuốc lấy và ngấm trọn "sầu"- "hận"- "oan"- "oán". Những hăm hở yêu đương với Quỳnh Thư, có thể nói, đã khắc sâu, làm nổi bật khía cạnh bi kịch của ông, bi kịch thân phận. Sự tan vỡ trong luyến ái đã làm cho tính bi kịch lớn lên thành bi kịch(22). *Sơ kính tân trang* là sự tập trung điều đó. Hình tượng gây ám ảnh, với Phạm chính là *Trời* với các biến thể:*Con tạo*, *trời xanh*, *khuôn duyên*, *lẽ huyền vi*, *đấng cửu trùng*, *trời già*… và đặc biệt là "ông đô đốc chốn kinh kì". Hai hình tượng, một vô hình, một hữu hình, thuộc

về hai cõi: thiêng và phàm, làm nên hai quyền lực chia uyên rẽ thúy. “Trời già” có thể đồng lõa với phúc phận con người nhưng lại có khoảng cách. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tính phổ quát của nó trong giai đoạn văn học này. Chính cặp đôi Tài tử - giai nhân đã thu và tỏa ra ý niệm này. Cũng chính vì tính phổ quát của thân phận này mà Aristotle đã xem bi kịch (trong thơ ca) có tính triết lí hơn và nghiêm túc hơn lịch sử. Theo chúng tôi, trong cách nhìn này, lịch sử thật phải là lịch sử của tâm tính. Và cảm nghiệm trên đây là cảm nghiệm của/cho chủ thể. Từ đây, xuất hiện những “hủy thể”, những biến đổi bi đát trong Phạm.

6.

Tiếng chửi của Phạm là sự hắt ra của một tâm giới nhiều nhiệt huyết trước thời đại. Từ khởi thủy đến nay, vấn đề này luôn bềnh bồng xô lệch trên lằn ranh giữa hai bờ đạo đức và luân lí. Tiếng chửi của Phạm, theo chúng tôi, là một thái độ quyết liệt từ khước chính bản thân mình, từ khước thân phận thua cuộc trong chính mình. Bởi tiếng chửi bao giờ cũng hướng đến một đối tượng nào đó, và trong bản thân mình luôn luôn hiện diện những đối tượng để mình từ khước. Trong thái độ “tự trào”, “than đời” ông tự nhận: *Miễn được ngày nào cho sướng kiếp/ sống thì nuôi lấy, chết chôn đi* hay *Chết về Tiên, Bụt cho xong kiếp/ Đù ỏa trần gian sống mãi chi?*(23). Trong cái nhìn của tâm lí hiện sinh, mỗi một cá thể thể hiện ra với cuộc đời những dự phóng nào đó. Một khi ý thức đạt được/ không đạt được mục đích, ý thức lại kết nối với chính ý thức, nghĩa là đem đến một hệ quả nhất định nào đó trong bản thân, trên cơ sở đó hướng đến các dự phóng mới(24). Đó là một vòng tuần hoàn xen kẽ nhất thiết giữa ước muốn và sự thỏa mãn, sự khiếm khuyết, thiếu hụt và sự sở đắc. Mỗi một sự phóng ngoại thường bao hàm một sự thu hồi. Hệ lụy không dừng lại ở đó, khi những phóng ngoại với thế giới và sự vật, chủ thể sẽ có những mất mát và bù đắp. Quá trình đó không cân bằng, cái tôi sẽ rơi vào khủng hoảng. Phạm thuộc về sự khủng hoảng đó. Tiếng chửi là một sự im lặng, hướng đến không cộng cảm, không thông giao với cuộc đời nữa ở một tâm tính ít chịu dung hòa, nghĩa là nghiêng hẳn về phía cực đoan của một kẻ hướng nội.

7.

Tâm lí học chiều sâu chỉ ra rằng, tại khởi điểm của cuộc sống, con người là một tổng thể. Khi sự phát triển diễn ra, tính tổng thể này được biệt hóa và chia thành nhiều phần, và trong tiến trình thành nhân, cái tôi hướng đến tự ngã, cấu trúc tâm thần trở về tổng thể, một tổng thể lớn hơn. Con đường đạt đến tổng thể ấy là con đường của tự ngã. Những tham dự của Phạm trước và trong cuộc đời là không triệt để, vì vậy, đặt vấn đề về tự ngã trong thơ văn ông chỉ có thể là đường mơ trong tâm giới của ông mà thôi. Điều này luôn diễn ra như một bù trừ trong con người nhiều bi kịch kia.

(SH292/06-13)

(1) Phạm Thái (1777 - 1813) còn có các tên gọi khác: Phạm Phụng, Phạm Văn Lý, Chiêu Lì. Về năm sinh và mất của ông, các khảo cứu của Lê Dư, Dương Quảng Hàm, Hoàng Hữu Yên đều thống nhất với nhau. Nguyễn Văn Xung trong *Phạm Thái và Sơ kính tân trang*, trang 25 - 25 ghi năm mất của Phạm Thái là 1814.
(2) Dương Ngọc Dũng - Lê Anh Minh, *Triết giáo Đông Phương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, 2003, tr152.
(3) Trần Đình Sử, *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb. Giáo dục, 2003, tr215.
(4) Tự ngã là thuật ngữ trung tâm trong nghiên cứu tâm lí chiều sâu của C. Jung (1875 - 1961), nhà tâm lí học hiện đại người Thụy Sỹ. Để chuyển ngữ nội dung mà Jung muốn diễn tả, khi dùng thuật ngữ Self. Xin xem thêm Murray Stein, *Bản đồ tâm hồn con người của Jung*, Nxb. Tri thức, 2011, từ trang 225 đến 290.

(5) Lưu Hồng Khanh, *Giải kinh tâm lí chiều sâu*, Ban tu thư thần học, 1997, tr 50.
(6) Trần Đình Sử, sđd, tr 214.
(7). Nguyễn Văn Xung, *Phạm Thái và Sơ kính tân trang*, Lửa thiêng xuất bản, 1973. Từ trang 34 đến trang 47, ông cho rằng Phạm Thái là một tâm hồn say mê: say mê giấc mộng anh hùng của thời đại, say mê tình ái, say mê giang hồ.
(8) Trần Ngọc Vương, *Thực thể Việt nhìn từ các tọa độ chữ*, Nxb. Tri thức, 2010, tr111- 137.
(9), (15), (16), (23) Nguyễn Văn Xung, sđd, tr184, tr194, tr178, tr163-164. Các trích dẫn về thơ văn Phạm Thái chúng tôi đều theo bản này, vì đây là một tập hợp khá đầy đủ về thơ văn Phạm Thái. Tác phẩm của Phạm Thái gồm: *Sơ kính tân trang, Văn tế Trương Quỳnh Như, Chiến tụng Tây hồ phú, Thơ họa 12 bài Trương Quỳnh Như. Ngoài ra, ông còn có một bài Văn triệu linh theo thể song thất lục bát, Văn bia mộ Thanh Xuyên hầu theo thể lục bát và một số bài thơ Nôm ngẫu cảm như: Tự trào, Tự thuật, Đề tranh mỹ nữ, Đề chùa Tiêu Sơn, Họa thơ Thanh Xuyên hầu, Đề nhà Nghĩa lư, Đề núi Con Voi, các bài phả khuyến…*
(10) Phan Cự Đệ, *Lời giới thiệu*, in trong Khái Hưng, *Tiêu Sơn tráng sĩ*, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1989, tr10.
(11) Phan Cự Đệ, sđd, tr12.
(12) Nguyễn Huệ Chi, *Từ điển văn học bộ mới*, Nxb. Thế giới, 2004, tr1369.
(13) Khái Hưng, sđd, tr119.
(14) Xem thêm Trần Ngọc Vương, sđd, tr453-462.
(17) Đỗ Duy Minh, *Đạo, học và chính trị trong học thuyết nhân văn Nho giáo cổ điển*, in trong *Triết giáo Đông phương, sđd*, tr247-253. Khi suy tư về những giá trị bản thể con người, trong những huyễn tưởng về số mệnh, thân phận con người và các giá trị của nó, A. Sen cho rằng chúng ta nên chấp nhận "đa căn tính" trong một con người. Xin xem thêm: Amartya Sen,*Căn tính và bạo lực*, Nxb. Tri thức, 2012, tr55-90.
(18) Bản ngã (ego), theo Jung định nghĩa: "Nó hình thành nên, có thể nói, trung tâm của trường ý thức, và trong chừng mực trường này bao hàm nhân cách kinh nghiệm thì bản ngã là chủ thể của tất cả mọi hành vi ý thức của cá nhân", dẫn theo M. Stein, sđd, tr31-32. Nói một cách hình ảnh, bản ngã là một loại gương mà tâm thần có thể soi mình và có thể trở nên có ý thức. Nó thuộc phạm vi của ý thức. Trong khi đó, Tự ngã (Self) trong lí thuyết của Jung là sự tổng hòa cả Ý thức và Vô thức mà con người, trong ngưỡng vọng hướng thượng hướng đến.
(19) Đỗ Lai Thúy, *Loại hình các nhân vật trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỉ X - XIX*, trong Trần Ngọc Vương (chủ biên),*Văn học Việt Nam thế kỉ X - XIX những vấn đề lí luận và lịch sử*, 2007, tr 463 - 482.
(20) Hà Như Chi, *Luận về Phạm Thái*, trong *Phê bình bình luận văn học*, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 1999, tr 210.
(21) Trong lí thuyết đạo đức hình nhi thượng, Mạnh Tử khẳng quyết: "Nếu một người hoàn toàn thực hiện cái tâm của mình, anh ta sẽ hiểu được bản tính. Nếu hiểu được bản tính của mình, tức là hiểu trời". Mạnh Tử, *Tận tâm chương cú thượng*, Tứ Thơ, Nxb. Thuận Hóa, 1996, tập hạ, tr216. Nguyên văn: Mạnh tử viết: "Tận kì tâm giả, tri kì tánh giả. Tri kì tánh, tắc tri thiên hỷ".
(22) Bi kịch (tragedy), trong tư tưởng tiền hiện đại, là ý niệm về sự liên đới giữa số mệnh và cái ngẫu nhiên (được hiểu như sự may rủi, sự khống chế của thế lực bề trên). Cũng theo đó, theo Adrian Poole, số mệnh chính là người nghệ sĩ nhào nặn cuộc sống của con người. Theo đó, từ cái nhìn cận cảnh, cụ thể, con người mang bi kịch. Xin xem thêm Adian Poole (Đinh Hồng Phúc dịch), *Bi kịch*, Nxb. Tri thức, 2012.
(24) André Niel, *Jean Paul Sartre-Anh hùng và nạn nhân của ý thức khốn khổ*, Ca dao xuất bản, 1968, tr72-73.